



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

10

Tháng 5 - 2016

**BỘ TRƯỞNG PHẠM HỒNG HÀ DỰ HỘI NGHỊ  
BIỂU DƯƠNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN, LAO ĐỘNG GIỎI,  
LAO ĐỘNG SÁNG TẠO TOÀN QUỐC NGÀNH XÂY DỰNG  
NĂM 2016**

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2016



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị*



*Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Huân chương Lao động Hạng Ba cho các điển hình tiên tiến xuất sắc của ngành Xây dựng*

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BẢY**

**10**

**SỐ 10 - 5/2016**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 5
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Khối nhà hiệu bộ và giảng đường chính Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam 9
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt đề án điều tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng nước dưới đất, tác động đến sụt lún bề mặt đất khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, định hướng quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất 9

#### Văn bản của địa phương

- Tỉnh Long An ban hành Quyết định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh 11
- Tỉnh Hà Tĩnh ban hành quyết định quy định một số nội dung về lập quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh 12
- Tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh 14

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

### **ĐỖ HỮU LỰC**

**Phó giám đốc Trung tâm**

**Thông tin**

#### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN  
(**Trưởng ban**)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN  
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN  
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC  
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH  
ThS. PHẠM KHÁNH LÝ  
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ  
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Bộ Xây dựng thẩm định Đồ án Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến 2030, tầm nhìn đến 2050 18
- Bộ Xây dựng thẩm định Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) đến năm 2030 19
- Nghiệm thu dự thảo soát xét TCVN của Viện Sinh thái & bảo vệ công trình 21
- Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn của Viện Vật liệu xây dựng 23
- Bộ Xây dựng nghiệm thu các dự thảo TCVN của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng 24
- Những công trình xanh của Nga và thế giới 26
- Phương pháp thiết kế mang tính hạn chế trên đường sá ở Hoa Kỳ 31
- Để xây dựng đô thị quay trở về vị trí ban đầu của nó 33

## **Thông tin**

- Bộ Xây dựng triển khai Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng 35
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà dự Hội nghị Biểu dương điển hình tiên tiến, lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2016 36
- Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng 38
- Thứ trưởng Đỗ Đức Duy làm việc với Đoàn kiểm tra liên ngành về công tác theo dõi thi hành pháp luật 40
- Chiến lược phát triển đô thị thông minh kế hoạch 5 năm lần thứ 13 của Trung Quốc 42
- Nghiên cứu cải cách mô hình tài chính trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới tại Trung Quốc 46
- Bằng cách nào để thực hiện giảm phát thải năng lượng trong xây dựng xanh 48

**VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW****Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc  
phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng  
vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030  
và tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 06 tháng 5 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Phạm vi Vùng Thủ đô Hà Nội gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang (trong đó Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang là 03 tỉnh được mở rộng so với Quyết định số 490/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ). Tổng diện tích toàn vùng khoảng 24.314,7 km<sup>2</sup>.

**Dân số - lao động:** Đến năm 2030 đạt khoảng 21 - 23 triệu người (đô thị: 11,5 - 13,8 triệu người; nông thôn: 9,5 - 9,2 triệu người); khoảng 12,0 - 13,2 triệu lao động. Tỷ lệ đô thị hóa: Đến năm 2030 đạt khoảng 55 - 60%. Đất xây dựng đô thị: Đến năm 2030 đạt khoảng 157.600 - 183.700 ha, bình quân 100 - 130 m<sup>2</sup>/người (riêng Thủ đô Hà Nội khoảng 150 m<sup>2</sup>/người). Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn: Đến năm 2030 đạt khoảng 160.100 - 153.800 ha, bình quân 130 - 160 m<sup>2</sup>/người.

Định hướng phát triển thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng: Hà Nội với vị thế Thủ đô, trung tâm đầu não chính trị, hành chính của quốc gia; là trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo và khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước; là một

trong những trung tâm kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ của khu vực châu Á - Thái Bình Dương; cần phát huy vai trò là trung tâm động lực chính, đầu mối liên kết quản lý, kinh doanh, nghiên cứu và phát triển kinh tế - xã hội, tập trung hình thành các trung tâm thương mại tài chính lớn của quốc gia như trung tâm tài chính Bắc Sông Hồng..., các khu nghiên cứu - đào tạo công nghệ cao (Khu công nghệ cao Hòa Lạc; Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc...); Trung tâm văn hóa - lịch sử lớn (Hoàng Thành Thăng Long...). Vĩnh Phúc phát triển kinh tế tổng hợp về công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp sinh thái gắn với các đầu mối giao thông quan trọng của khu vực phía Bắc và cả nước. Bắc Ninh phát triển kinh tế tổng hợp về dịch vụ, du lịch văn hóa, công nghiệp, tập trung vào kinh tế tri thức (giáo dục - đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ), trung tâm y tế - nghỉ dưỡng của Vùng. Các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và Hà Nam, là các tỉnh thuộc Đông Nam đồng bằng sông Hồng. Phát huy các lợi thế tiếp cận cửa ngõ và hệ thống giao thông hướng biển (hành lang Hà Nội - Phố Nối - Hải Dương - Hải Phòng), tam giác kinh tế phía Nam Hà Nội (Hưng Yên - Đông Văn - Phú Lý). Các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang là các tỉnh trung du miền núi. Đây là vùng cửa ngõ chuyển tiếp giữa Vùng Thủ đô Hà Nội với Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Hòa Bình đóng vai trò là vùng sinh thái, bảo vệ

môi trường, đảm trách những chức năng chính về hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, liên vùng (cấp điện, cấp nước, điều tiết lũ, bảo vệ nguồn nước...). Phú Thọ phát triển các vùng du lịch văn hóa di sản, du lịch sinh thái (Đền Hùng, Xuân Sơn...). Dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Tây Bắc của Vùng (logistics tại thành phố Việt Trì)... Thái Nguyên phát triển về y tế, giáo dục đào tạo chất lượng cao cho Vùng Thủ đô Hà Nội và toàn quốc, du lịch quốc gia (hồ Núi Cốc, ATK...), công nghiệp công nghệ cao tại khu vực phía Nam của tỉnh, sản xuất các sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng cao tại các huyện phía Bắc của tỉnh. Bắc Giang là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), phát triển du lịch (Tây Yên Tử, Hồ Khuôn Thần).

Về định hướng phát triển hệ thống đô thị: Thủ đô Hà Nội là đô thị đặc biệt, phát triển theo mô hình chùm đô thị gồm khu vực đô thị trung tâm, 5 đô thị vệ tinh, các thị trấn được kết nối bằng hệ thống giao thông đường vành đai kết hợp các trục hướng tâm, có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng và quốc gia. Đô thị Vinh Phúc là trung tâm cấp vùng về thương mại, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, y tế và đào tạo chất lượng cao của Vùng Thủ đô Hà Nội. Thành phố Bắc Ninh là trung tâm cấp vùng về thương mại, du lịch văn hóa - lịch sử của Vùng Thủ đô Hà Nội. Thành phố Hải Dương là trung tâm cấp vùng về y tế và giáo dục đào tạo phía Đông của Vùng Thủ đô Hà Nội; trung tâm cung cấp các dịch vụ đô thị và công nghiệp (nguồn nhân lực, dịch vụ tiếp vận, hậu cần cảng...). Thành phố Hưng Yên là trung tâm cấp vùng về giáo dục đào tạo và dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp phía Đông Nam của Vùng Thủ đô Hà Nội. Thành phố Phủ Lý là trung tâm cấp vùng về y tế và giáo dục đào tạo phía Nam của Vùng Thủ đô Hà Nội; vai trò cửa ngõ quan trọng của Vùng đối với các tỉnh Nam đồng bằng sông Hồng. Thành phố Hòa Bình đóng vai trò quan

trọng về hạ tầng kỹ thuật vùng về cấp điện, cấp nước, điều tiết lũ, bảo vệ đầu nguồn lưu vực sông Đà và bảo tồn di sản thiên nhiên. Thành phố Việt Trì là thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam; trung tâm du lịch, di sản, lễ hội cấp quốc gia, quốc tế, đầu mối giao lưu, đô thị cửa ngõ quan trọng, dịch vụ thương mại phía Tây Bắc của Vùng Thủ đô Hà Nội. Thành phố Thái Nguyên là trung tâm y tế, giáo dục đào tạo cấp vùng, cung cấp nguồn nhân lực qua đào tạo cho Vùng Thủ đô Hà Nội và toàn quốc. Thành phố Bắc Giang là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn); đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

Về định hướng phát triển nông thôn: Tập trung nguồn lực để xây dựng nông thôn mới; theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới các điểm dân cư nông thôn sản xuất nông nghiệp hiện đại, cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, giữ gìn và bảo vệ môi trường; Hình thành các chợ đầu mối nông sản, chợ truyền thống; phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và chế biến sản phẩm.

Định hướng phát triển các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Hình thành một số khu vực trọng điểm phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch. Hành lang quốc lộ 18 (qua Bắc Ninh - Hải Dương - Quảng Ninh): Chủ yếu phát triển các ngành sản xuất kính, công nghiệp, vật liệu xây dựng cao cấp... Hành lang cao tốc quốc lộ 1A (qua Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang - Lạng Sơn); chủ yếu phát triển các ngành chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất lắp ráp máy nông nghiệp, phụ tùng ô tô... Các khu vực thuận lợi kết nối với sân bay quốc tế Nội Bài tập trung phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông.

Định hướng phát triển thương mại và dịch vụ: Hình thành Trung tâm hội chợ tại Hà Nội

(khu vực phía Bắc sông Hồng); hình thành các trung tâm triển lãm tại Bắc Ninh, Vĩnh Phúc cùng với Hà Nội tạo thành một tổ hợp triển lãm cấp quốc gia, quốc tế; phát triển các khu vực trung chuyển đầu mối, cảng cạn/ trung tâm logistics tại các điểm giao thoa của 02 hành lang kinh tế và các tuyến thương mại liên vùng.

Phát triển du lịch theo hướng phát triển các vùng du lịch, điểm du lịch cấp quốc gia, cấp Vùng gắn với việc bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử; đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; bảo vệ và phát huy giá trị các vườn quốc gia (Tam Đảo, Cúc Phương...); bảo tồn di tích lịch sử văn hóa và các di sản được UNESCO công nhận (di sản vật thể và phi vật thể).

Định hướng mạng lưới không gian xanh cần tạo lập các vành đai xanh, hành lang xanh và nêm xanh để bảo vệ các vùng di sản, di tích văn hóa lịch sử, làng nghề truyền thống, các khu vực cảnh quan sinh thái, các khu vực nhạy cảm về môi trường; khôi phục, nạo vét, kè bờ hệ thống sông, hồ để tăng khả năng tiêu thoát nước, tạo cảnh quan đô thị và phát triển giao thông đường thủy.

Về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm: Đối với nhà ở phải đảm bảo nhu cầu nhà ở đô thị và nông thôn toàn Vùng, tuân thủ theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, đa dạng hóa các loại hình nhà ở phù hợp; đảm bảo quỹ nhà ở xã hội cho các đối tượng chính sách, công nhân, sinh viên và người có thu nhập thấp. Về giáo dục đào tạo Vùng Thủ đô Hà Nội là trung tâm đào tạo lớn nhất cả nước và hội nhập quốc tế, trong đó thủ đô Hà Nội ưu tiên đào tạo đại học và sau đại học ở các ngành khoa học cơ bản, Thái Nguyên tiếp tục phát triển thành trung tâm đào tạo lớn của Vùng. Các đô thị tỉnh lỵ trong Vùng Thủ đô Hà Nội: Phủ Lý, Bắc Giang Hòa Bình, Việt Trì, Hải Dương tập trung phát triển các trường cao đẳng và đào tạo nghề. Đối với y tế, Thành phố Hà

Nội phát huy vai trò là trung tâm y tế lớn của cả nước. Đầu tư xây dựng các tổ hợp công trình y tế chất lượng cao tầm cỡ quốc gia, quốc tế; hình thành các trung tâm y tế đa khoa và chuyên khoa, các bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Phủ Lý, Hải Dương, Thái Nguyên, Việt Trì.

Đối với định hướng phát triển hệ thống giao thông: Về đường bộ hoàn thiện mạng lưới hệ thống đường cao tốc hướng tâm và vành đai. Ưu tiên các hành lang kinh tế lớn: Lào Cai - Hà Nội - Quảng Ninh; Lạng Sơn - Hà Nội - Vinh; xây dựng mới các tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Bình, cao tốc Tây Bắc - Hải Phòng, cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình.... Đối với đường sắt quốc gia, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có, ưu tiên các tuyến: Tuyến Bắc Nam; tuyến Hà Nội - Hải Phòng; Xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao theo hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Quảng Ninh, kết hợp vận tải hàng hóa và hành khách khối lượng lớn; xây dựng mới kết hợp nâng cấp một số tuyến đường sắt quốc gia tạo thành mạng lưới đường sắt nội vùng với 8 tuyến vận tải hành khách, kết nối trung tâm thành phố Hà Nội đến các thành phố trung tâm các tỉnh trong bán kính 60 - 80km. Xây dựng, nâng cấp cảng hàng không, sân bay quốc tế Nội Bài thành cảng hàng không lớn, hiện đại khu vực phía Bắc. Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thủy chính trong vùng đến quy mô cấp I hoặc cấp II nhằm hỗ trợ vận tải hàng hóa ra các khu, cụm cảng biển nước sâu tại khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng; nâng cấp, mở rộng công suất các cảng sông chính trên các sông Hồng, sông Đuống, sông Luộc...

Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật khác

Lựa chọn đất xây dựng đảm bảo không bị ảnh hưởng của lũ lụt và các tác động bất lợi của thiên nhiên (sạt lở, động đất, lũ quét, nước biển dâng...); Tuân thủ cao độ xây dựng khống chế theo quy hoạch xây dựng từng tỉnh. Quản lý chặt chẽ cao độ xây dựng của các dự án, đô thị, đặc biệt tại vị trí liên kết của các dự án.

Thoát nước đô thị, xây dựng hệ thống thoát nước đô thị hoàn chỉnh và kết nối với hệ thống tiêu liên vùng; khu vực đô thị cũ sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp, khu vực đô thị xây mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Xây dựng mạng lưới cấp nước liên vùng theo các tuyến vành đai, trục hướng tâm và các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn Vùng; đảm bảo 100% dân số đô thị và trên 30% dân số nông thôn được cấp nước từ hệ thống cấp nước tập trung theo tiêu chuẩn hiện hành. Nguồn điện được cấp từ các nhà máy điện ngoài Vùng tại phía Tây Bắc (thủy điện) và vùng duyên hải (nhiệt điện); phát triển mô hình nguồn điện phân tán sử dụng năng lượng mới và tái tạo. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng; bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy hoạch từng đô thị; đến năm 2030: 100% các đô thị loại 4 trở lên, các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp có công trình xử lý nước thải; 100% dân cư nông thôn có công trình vệ sinh đạt chuẩn. Khu vực đô thị: Sử dụng công nghệ xử lý nước thải tập trung; đối với khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề, nước thải sẽ được xử lý riêng tại khu xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; Khu vực y tế, mỗi bệnh viện phải có hệ thống thu gom và công trình xử lý nước thải riêng đạt tiêu chuẩn môi trường.

Phát huy năng lực các cơ sở xử lý chất thải rắn đang hoạt động, xây dựng mới các cơ sở xử lý chất thải rắn theo các quy hoạch chuyên ngành đã phê duyệt. Chất thải rắn sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn y tế thông thường được thu gom từ nơi phát sinh chuyển về các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch của từng vùng tỉnh. Chất thải rắn nông thôn được thu gom, vận chuyển hàng ngày hoặc cách ngày và được vận

chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch. Đối với chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn công nghiệp nguy hại phải được phân loại, bảo quản, lưu giữ, thu gom, xử lý tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn vệ sinh môi trường.

Quy hoạch nghĩa trang trong Vùng theo hướng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân, ưu tiên phát triển mô hình nghĩa trang công viên; xây dựng nghĩa trang tập trung cho đô thị, khuyến khích theo công nghệ hỏa táng. Khu vực đô thị sử dụng các nghĩa trang tập trung mới theo quy hoạch, khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng, nghĩa trang công viên thân thiện với môi trường. Khu vực nông thôn có kế hoạch đóng cửa các nghĩa trang phân tán không đảm bảo cách ly an toàn vệ sinh môi trường hoặc không nằm trong quy hoạch.

Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư gồm: Về hạ tầng kỹ thuật, ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng các tuyến cao tốc (Hà Nội - Lạng Sơn, Hòa Lạc - Hòa Bình, Hà Nội - Thái Bình), đường vành đai (vành đai 4, vành đai 5), đường sắt nội vùng (Hà Nội - Bắc Ninh, Hà Nội - Vĩnh Phúc); Về hạ tầng xã hội, trọng tâm đầu tư các trung tâm y tế, giáo dục và đào tạo cấp vùng tại một số tỉnh (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Phú Thọ, Thái Nguyên...); Về thương mại - dịch vụ, khoa học công nghệ, du lịch, văn hóa - thể dục thể thao cần ưu tiên đầu tư các dự án gắn với các tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế, vành đai như trục Nhật Tân - Nội Bài, hành lang kinh tế xuyên Á (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng), vành đai 5... Về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên đầu tư các trung tâm hỗ trợ nông nghiệp cấp Vùng và các vùng sản xuất chuyên canh nguyên liệu hàng hóa quy mô lớn (thực phẩm an toàn, lúa chất lượng cao, hoa quả sạch).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**



## **Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Khối nhà hiệu bộ và giảng đường chính Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam**

Ngày 11 tháng 5 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 796/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Khối nhà hiệu bộ và giảng đường chính Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Mục tiêu đầu tư của công trình Khối nhà hiệu bộ và giảng đường chính Học viện thanh thiếu niên Việt Nam (gọi tắt là Học viện) nhằm bổ sung lượng lớp học và giảng đường, bổ sung diện tích làm việc cho công tác, nghiên cứu, giảng dạy của phòng, ban, khoa, bộ môn đảm bảo quy mô đào tạo 4.000 học viên/năm, đồng thời góp phần cải tạo môi trường, cảnh quan của Học viện, nâng cao chất lượng đào tạo.

Quy mô đầu tư bao gồm, xây dựng 01 khối nhà cao 11 tầng nổi, 01 tầng hầm, trên diện tích 2.300 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn khoảng 12.000 m<sup>2</sup>. Bố trí phòng làm việc cho giảng viên, cán bộ công nhân viên, một số phòng hội thảo, phòng họp, thư viện, giảng đường lớn... và khoảng 40 lớp học cùng hệ thống hạ tầng kỹ

thuật đi kèm, các trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục, đào tạo. Tổng mức đầu tư dự kiến 149.863 triệu đồng trong đó, ngân sách Trung ương hỗ trợ 149.863 triệu đồng (100% từ Ngân sách Trung ương ngành vốn Giáo dục đào tạo); giai đoạn thực hiện 2018 - 2022. Từ giai đoạn 2018 - 2022 triển khai thi công phần xây lắp công trình; giai đoạn 2021 - 2022 hoàn thành xây lắp, cung cấp và lắp đặt các trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục đào tạo để đưa công trình vào khai thác.

Các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các Bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt đề án điều tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng nước dưới đất, tác động đến sụt lún bề mặt đất khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, định hướng quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất**

Ngày 12 tháng 5 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 805/QĐ-TTg phê duyệt đề án điều tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng nước dưới đất, tác động đến sụt lún bề mặt đất khu vực thành phố Hà Nội,

thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, định hướng quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất.

Mục tiêu của đề án bao gồm rà soát các quy định hiện hành, đánh giá thực trạng về công tác

quản lý, khai thác nước dưới đất; xác định hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất và khoanh vùng các khu vực nước dưới đất bị hạ thấp tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đánh giá hiện trạng, diễn biến sụt lún mặt đất tại các khu vực khai thác nước dưới đất, mực nước dưới đất bị hạ thấp và xác định mức độ tác động của khai thác nước dưới đất đến sụt lún bề mặt đất; đề xuất định hướng quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất, giảm thiểu tác động đến sụt lún bề mặt đất. Thời gian thực hiện từ năm 2016 đến năm 2020.

Theo Quyết định này, nhiệm vụ chủ yếu bao gồm rà soát hệ thống các văn bản quy định về quản lý, khai thác nước dưới đất, đánh giá thực trạng, hiệu quả công tác quản lý, khai thác hiện nay; điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất tại khu vực thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long; xác định, lập bản đồ khoanh vùng phạm vi phễu hạ thấp mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước tại các khu vực trên; đánh giá hiện trạng, diễn biến sụt lún bề mặt đất tại các khu vực khai thác nước dưới đất (tại các phễu hạ thấp mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước; các khu vực khai thác nước dưới đất vượt ngưỡng khai thác); phân tích, đánh giá xác định mối liên quan giữa sụt lún bề mặt đất và khai thác nước dưới đất tại các khu vực bị sụt lún bề mặt đất nằm trong phạm vi các phễu hạ thấp mực nước dưới đất; đề xuất định hướng quản lý, khai thác, sử dụng phù hợp nước dưới đất nhằm bảo đảm sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất, các biện pháp giảm thiểu tác động đến sụt lún bề mặt đất.

Theo đó, các phương pháp thực hiện bao gồm: Phân tích, đánh giá thực trạng, hiệu quả công tác quản lý khai thác, sử dụng nước dưới đất tại các khu vực này; thu thập, tổng hợp các tài liệu điều tra, đánh giá về thực trạng, diễn biến nguồn tài nguyên nước dưới đất; tình hình

khai thác, sử dụng nước dưới đất; tình hình, diễn biến sụt lún bề mặt đất; điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng và hiện trạng, diễn biến hạ thấp mực nước dưới đất tại khu vực; phân tích, đánh giá và thành lập các bản đồ khoanh vùng phạm vi các khu vực tập trung khai thác nước dưới đất, các phễu hạ thấp mực nước trong các tầng chứa nước, các khu vực khai thác vượt ngưỡng khai thác; ứng dụng công nghệ viễn thám (InSAR, DInSAR), GIS và kết hợp với các công nghệ truyền thống (đo đạc trắc địa, điều tra, khảo sát) phân tích, đánh giá hiện trạng, diễn biến, mức độ sụt lún bề mặt đất tại các khu vực khai thác nước dưới đất (các phễu hạ thấp mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước; các khu vực khai thác nước dưới đất vượt ngưỡng khai thác); phân tích, đánh giá xác định mối liên quan giữa sụt lún bề mặt đất và khai thác nước dưới đất tại các khu vực bị sụt lún bề mặt đất nằm trong phạm vi các phễu hạ thấp mực nước dưới đất.

Các báo cáo của Đề án bao gồm Báo cáo tổng thể kết quả thực hiện Đề án; Báo cáo phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất; Báo cáo phân tích, đánh giá hiện trạng sụt lún bề mặt đất tại các khu vực khai thác nước dưới đất; báo cáo đánh giá tác động của khai thác nước dưới đất đến vấn đề sụt lún bề mặt đất; Báo cáo đề xuất các giải pháp giảm thiểu, khắc phục, kiểm soát tình trạng sụt lún nền đất.

Các bản đồ gồm Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất; Bản đồ khoanh vùng sụt lún bề mặt đất do khai thác nước dưới đất; Bản đồ đánh giá trữ lượng nước dưới đất (thu thập kết quả hiện có). Hệ thống cơ sở dữ liệu của Đề án.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Tỉnh Long An ban hành Quyết định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh**

Ngày 18 tháng 3 năm 2016, UBND tỉnh Long An đã ban hành Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, đối tượng áp dụng bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Thân nhân Liệt sỹ (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con, người có công nuôi dưỡng khi liệt sỹ còn nhỏ); Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày...

Nguyên tắc xác định miễn, giảm tiền sử dụng đất bao gồm Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất ở được tính trong hạn mức đất ở; chỉ được miễn, giảm một lần; chỉ được thực hiện trực tiếp với đối tượng được miễn, giảm và tính trên số tiền sử dụng đất ở phải nộp theo quy định; trong hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được giảm tiền sử dụng đất thì được cộng các mức giảm của từng thành viên thành mức giảm chung của cả hộ, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá số tiền sử dụng đất ở phải nộp trong hạn mức đất ở; trường hợp một hộ gia đình hoặc một người thuộc đối tượng được hưởng cả miễn và giảm tiền sử dụng đất ở thì được hưởng miễn tiền sử dụng đất ở; nếu một người thuộc đối tượng được hưởng giảm tiền sử dụng đất ở mà

có nhiều mức giảm khác nhau thì được hưởng mức cao nhất.

Miễn tiền sử dụng đất đối với trường hợp người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 31 tháng 12 năm 1944 trở về nước và người tham gia tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị mất sức lao động từ 81% trở lên...;

Giảm tiền sử dụng đất đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 61% đến 80% được giảm 90% tiền sử dụng đất ở phải nộp; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị mất sức lao động từ 41% đến 60% được giảm 80% tiền sử dụng đất ở phải nộp; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng I hoặc Huân chương Chiến thắng hạng I được giảm 65%; Thân nhân của Liệt sỹ; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước", người có công giúp đỡ cách mạng trong

gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước”; thương binh và người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị mất sức lao động từ 21% đến 40% được giảm 70%.

Thủ tục xét miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công: Người có công với cách mạng có nhu cầu xét, miễn, giảm tiền sử dụng đất ở, nộp 01 (một) bộ hồ sơ gồm bản đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất (theo mẫu đính kèm), bản sao các loại giấy tờ chứng minh

thuộc đối tượng được miễn, giảm; bản sao các loại giấy tờ liên quan đến nhà ở, đất ở; bản sao sổ hộ khẩu. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ quy định tại khoản 1 mục V Điều 1 quyết định này, UBND cấp xã tổ chức niêm yết, công khai danh sách về tên, đối tượng, vị trí, diện tích, mức tỷ lệ (%) được miễn, giảm tiền sử dụng đất ở.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.longan.gov.vn](http://www.longan.gov.vn))**

## **Tỉnh Hà Tĩnh ban hành quyết định quy định một số nội dung về lập quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh**

Ngày 28 tháng 04 năm 2016, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND quy định một số nội dung về lập quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Quyết định áp dụng cho các đối tượng là các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh; các Thông tư hướng dẫn về xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng, các văn bản hướng dẫn thực hiện của các bộ ngành có liên quan và Quy định này.

Đối với quản lý tổng mức đầu tư cần lập, điều chỉnh và quản lý theo quy định tại Chương II, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết tại Chương II, Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng; Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng dùng xác định tổng mức đầu tư của dự án, áp dụng theo công bố của Bộ Xây dựng

hoặc Sở Xây dựng tương ứng với thời điểm lập dự án đầu tư xây dựng; thẩm định tổng mức đầu tư; tổng mức đầu tư phải được tính đúng, tính đủ các khoản mục chi phí cần thiết để xây dựng công trình, phù hợp với thiết kế cơ sở, các nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thời gian xây dựng dự án. Người quyết định đầu tư theo phân cấp, ủy quyền phê duyệt tổng mức đầu tư cùng với việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng. Tổng mức đầu tư được duyệt là cơ sở để quản lý chi phí của dự án và là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng; Tổng mức đầu tư của dự án chỉ được điều chỉnh đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014. Phần giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh phải được cơ quan thẩm định tổng mức đầu tư của dự án thẩm định làm cơ sở cho việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh.

Dự toán xây dựng gồm Dự toán xây dựng công trình và Dự toán gói thầu xây dựng. Dự toán xây dựng công trình là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với thiết kế

kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình. Dự toán gói thầu xây dựng gồm dự toán gói thầu thi công xây dựng, dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình, dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng và dự toán gói thầu hỗn hợp. Dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu, được lập theo thiết kế xây dựng công trình, định mức, đơn giá quy định ở Điều 5 và Điều 6 của Quy định này và hướng dẫn của Sở Xây dựng. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh và dự toán gói thầu xây dựng không vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt bao gồm cả chi phí dự phòng thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung, giá trị điều chỉnh của mình. Trong trường hợp vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt, thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

Định mức xây dựng là cơ sở để lập đơn giá xây dựng công trình, giá tổng hợp và dự toán xây dựng. Định mức xây dựng được áp dụng theo hệ thống định mức công bố của Bộ Xây dựng, của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và của UBND tỉnh sau khi có sự thống nhất của Bộ Xây dựng. Đối với những công tác xây dựng chưa có trong hệ thống định mức đã được công bố hoặc đã có nhưng không phù hợp với điều kiện thực tế thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật của công trình, thì căn cứ vào phương pháp hướng dẫn của Bộ Xây dựng và thực tế công trình, chủ đầu tư (hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực và kinh nghiệm) lập định mức mới hoặc vận dụng định mức tương tự ở công trình khác đã được phê duyệt.

Quyết định này cũng quy định giá xây dựng công trình là cơ sở để lập tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng. Giá xây dựng công trình được lập theo đơn giá xây dựng công trình. Đơn giá xây dựng công trình được lập từ định mức kinh tế kỹ thuật nêu ở Điều 5 Quy định này và giá vật liệu xây dựng đến chân công trình, giá nhân công xây

dựng, giá ca máy, giá thiết bị thi công theo công bố và các chi phí khác có liên quan.

Chỉ số giá xây dựng bao gồm chỉ số giá xây dựng theo loại công trình, chỉ số giá vật liệu chủ yếu xây dựng công trình, chỉ số giá nhân công xây dựng, chỉ số giá máy và thiết bị thi công. Chỉ số giá xây dựng do Sở Xây dựng xác định và công bố làm cơ sở cho việc điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, giá hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng được xác lập bằng văn bản thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu. Hợp đồng xây dựng là văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Trong hợp đồng xây dựng, căn cứ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và điều kiện cụ thể của gói thầu để xác định hình thức giá hợp đồng phù hợp; thỏa thuận về nguyên tắc điều chỉnh giá hợp đồng phù hợp với từng hình thức giá hợp đồng, bao gồm: các trường hợp điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng, trình tự, thủ tục, phạm vi, nội dung, phương pháp, cơ sở dữ liệu và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng. Điều chỉnh giá hợp đồng chỉ thực hiện theo điều kiện nêu trong hợp đồng phù hợp với quy định về điều chỉnh giá hợp đồng và trong thời gian thực hiện hợp đồng đã cam kết. Trường hợp kéo dài tiến độ thi công do nguyên nhân khách quan, chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

Đối với việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình thì chủ đầu tư chịu trách nhiệm về lập hồ sơ đề nghị thanh toán với cơ quan cấp phát vốn đầu tư; cơ quan thanh toán vốn thực hiện việc công khai quy trình thanh toán, tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư và kiểm soát thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định; Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định, gửi cơ quan chuyên môn về

tài chính đầu tư của cấp quyết định đầu tư thẩm tra trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt; nội dung của thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Chương VI, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định về quản lý chi phí tại thời điểm

phê duyệt dự án. Trường hợp cần thiết phải thực hiện theo quy định tại Quy định này thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định. Các dự án đã đầu tư chưa thực hiện hoặc đang được thẩm định thì thực hiện theo Quy định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.hatinh.gov.vn](http://www.hatinh.gov.vn))**

## **Tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh**

Ngày 26 tháng 4 năm 2016, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh.

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sỹ; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; về các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

Sở Xây dựng có trách nhiệm trình UBND tỉnh dự thảo các quyết định, chỉ thị, các văn bản quy định việc phân công, phân cấp và ủy quyền; Dự thảo quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm, các chương trình, dự án

trong ngành; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước; Biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy hoạch phát triển, kế hoạch, chương trình, dự án đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; Về quy hoạch xây dựng, kiến trúc (gồm: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù; thiết kế đô thị, quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị); xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

Về hoạt động đầu tư xây dựng: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; khảo sát, thiết kế xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân và cấp phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài; tham mưu cho UBND

tỉnh quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh thành lập; thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại địa bàn tỉnh theo phân cấp; cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III đối với tổ chức tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong thi công xây dựng công trình; phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong thi công xây dựng công trình; hướng dẫn giải quyết sự cố mất an toàn kỹ thuật trong thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật;

Đối với phát triển đô thị cần lập các loại quy hoạch theo quy định, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và cho từng đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia, chương trình phát triển đô thị quốc gia, quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng tỉnh, quy hoạch chung đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình đô thị hóa; thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí đã được Chính phủ quy định theo chức năng, nhiệm vụ; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh.

Về hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao bao gồm cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp; quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ); kết

cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Về nhà ở: Nghiên cứu xây dựng đề trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ban hành chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh, bao gồm chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở nói chung và các chương trình mục tiêu của tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn về nhà ở; lập, thẩm định, phê duyệt các dự án phát triển nhà ở, thẩm định các dự án phát triển nhà ở do UBND tỉnh chấp thuận hoặc quyết định đầu tư; thực hiện lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại và nhà ở xã hội để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; việc thẩm định giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn tỉnh; xây dựng khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở xã hội hàng năm, 05 (năm) năm được đầu tư xây dựng bằng nguồn ngân sách địa phương hoặc bằng nguồn vốn xã hội hóa; xây dựng kế hoạch phát triển quỹ nhà ở công vụ do tỉnh quản lý (bao gồm nhu cầu đất đai và vốn đầu tư xây dựng); xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở công vụ, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh; ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ; khung giá cho thuê, thuê mua và giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; các tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở công vụ, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Về công sở: Lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội,

các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng công sở, trụ sở làm việc; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng, mua bán, cho thuê, thuê mua đối với công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước; điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Về thị trường bất động sản (BDS): Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển và quản lý thị trường BDS; các giải pháp nhằm minh bạch hóa hoạt động, giao dịch, kinh doanh BDS trên địa bàn tỉnh; thực hiện các chính sách, giải pháp điều tiết và bình ổn thị trường BDS trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của chủ đầu tư dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các dự án đầu tư kinh doanh BDS khác trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các quy định về BDS được đưa vào kinh doanh; thẩm định hồ sơ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới BDS, quản lý điều hành sàn giao dịch BDS; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới BDS trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình, tổ chức xây dựng hệ thống thông tin về thị trường BDS, hoạt động kinh doanh BDS, kinh doanh dịch vụ BDS trên địa bàn tỉnh...

Về VLXD: Lập, thẩm định các quy hoạch phát triển VLXD; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường; quản lý và tổ chức thực hiện các quy

hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng; quy hoạch tổng thể phát triển VLXD quốc gia; thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng; kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động; khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất VLXD; hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh VLXD đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh VLXD; kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng.

Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực quản lý của Sở; xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở đối với các Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện; thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc ngành Xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí; theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với UBND tỉnh, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác.

Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật. Quản lý tài



chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước được phân bổ.

Về cơ cấu tổ chức bao gồm có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc và trực thuộc Sở gồm Văn phòng (bao gồm cả công tác pháp chế); Thanh tra; Phòng Quy hoạch - Kiến trúc; Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật; Phòng Quản lý xây dựng; Phòng Kinh tế xây dựng; Phòng Vật liệu xây dựng; Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở gồm Viện Quy hoạch xây dựng; Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Thanh tra Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại  
([www.quangbinh.gov.vn](http://www.quangbinh.gov.vn))**

## **Bộ Xây dựng thẩm định Đề án Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến 2030, tầm nhìn đến 2050**

Ngày 17/5/2016, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) đến 2030, tầm nhìn đến 2050. Dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch HĐĐTĐ, đại diện các Bộ, ngành có liên quan và đại diện lãnh đạo UBND các tỉnh/ thành phố thuộc (ĐBSCL).

Tại Hội nghị, đại diện đơn vị tư vấn (Công ty Cổ phần Nước và môi trường Việt Nam) đã trình bày báo cáo tóm tắt Đề án Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến 2030, tầm nhìn đến 2050. Theo đó, hệ thống cấp nước vùng ĐBSCL được xây dựng từ nhiều năm nay, hiện đã xuống cấp. Trong quá trình phát triển kinh tế ở các địa phương vùng ĐBSCL, vấn đề quy hoạch hệ thống cấp nước đã được đề cập nhưng chưa được thực hiện triệt để, chưa giải quyết được mối liên giữa hệ thống cấp nước với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, nước biển dâng.

Đề án Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến 2030, tầm nhìn đến 2050 được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, nhằm cải thiện điều kiện cấp nước an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, chống xâm nhập mặn, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội vùng ĐBSCL. Đề án được lập trên phạm vi toàn bộ vùng ĐBSCL với diện tích tự nhiên khoảng 40,6 nghìn km<sup>2</sup>.

Hiện nay, vùng ĐBSCL có khoảng 350 nhà máy nước tập trung với tổng công suất 1.154.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Đề án đưa ra các tiêu chí tổng quát từ nay đến năm 2030 là xây dựng hệ thống cấp nước liên vùng, kết hợp các nhà máy nước hiện có và các nhà máy nước xây mới tại các tỉnh để đảm



*Quang cảnh Hội nghị*

bảo cấp nước cho 100% dân số khu vực nội thị, 90% dân số khu vực ngoại thị và 25% dân cư nông thôn.

Quy hoạch hệ thống cấp nước vùng ĐBSCL phân thành 3 vùng như sau: Vùng I: Bắc sông Tiền; vùng II: Giữa sông Tiền và sông Hậu; vùng III: Tây Nam sông Hậu.

Quy hoạch sử dụng nguồn nước: Ưu tiên khai thác nước mặt, hạn chế khai thác nước ngầm, chỉ sử dụng nước ngầm tại những khu vực không có khả năng khai thác nguồn nước mặt. Những khu đô thị có khả năng tiếp nhận nước của hệ thống cấp nước liên vùng sẽ giảm dần mức độ khai thác nước ngầm. Đối với các đô thị nhỏ, cụm dân cư nông thôn tập trung tại nơi khó khăn về nguồn nước và cách xa đường ống, áp dụng các công nghệ để xử lý nguồn nước bị nhiễm mặn.

Hệ thống cấp nước được phát triển theo nguyên tắc: Giai đoạn từ nay đến 2020 tiếp tục sử dụng các nhà máy nước hiện có bao gồm các nhà máy nước mặt, nhà máy nước ngầm đảm bảo cho nhu cầu cấp nước trước mắt. Giai đoạn từ 2020 - 2030 sẽ tiếp tục xây dựng các nhà máy nước ở các khu vực có nguồn nước mặt không bị nhiễm mặn, không xây dựng các nhà máy nước ở các tỉnh có nguồn nước mặn

được dự báo theo kịch bản biến đổi khí hậu.

Định hướng về công nghệ xử lý nước: Công nghệ xử lý nước được lựa chọn phù hợp với quy mô, công suất, chất lượng nguồn nước thô. Đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành về ăn uống và sinh hoạt; ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý nước tiên tiến, các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng các vật tư thiết bị tiên tiến có tuổi thọ cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng, phát thải carbon thấp; ưu tiên áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý và vận hành nhà máy nước, kiểm soát chất lượng nước đầu vào và đầu ra.

Đồ án cũng đưa ra các giải pháp kỹ thuật và phương thức quản lý nhằm chống thất thoát nước, như: Phân vùng, tách mạng lưới cấp nước và lắp đặt đồng hồ tổng; hoàn thiện hệ thống đồng hồ đo đếm, hệ thống van điều tiết lưu lượng và tối ưu hóa chế độ làm việc của mạng lưới đường ống truyền dẫn và phân phối; cải tạo, thay thế các đường ống cũ; phát hiện và sửa chữa những điểm rò rỉ nước; lắp đặt đồng hồ đo nước cho toàn bộ khách hàng.

Tại Hội nghị, các chuyên gia phản biện cũng như đại diện lãnh đạo UBND các tỉnh vùng

ĐBSCL đã đưa ra nhiều góp ý đối với đơn vị tư vấn nhằm hoàn thiện Đồ án, như: Rà soát nhu cầu sử dụng nước của các Khu kinh tế, Khu kinh tế cửa khẩu, nghiên cứu sâu hơn yếu tố ngập lụt, biến đổi khí hậu, đánh giá tác động của hệ thống các hồ chứa khu vực thượng nguồn sông Mê Kông đối với hệ thống cấp nước vùng ĐBSCL.

Kết thúc Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá Đồ án Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đã bám sát những mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao, đề cập đến những nội dung quan trọng của vấn đề quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL và đưa ra được những phương án giải quyết hợp lý.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh yêu cầu đơn vị tư vấn tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện, chuyên gia Bộ Xây dựng cũng như của đại diện lãnh đạo UBND các tỉnh vùng ĐBSCL để nhanh chóng hoàn thiện Đồ án, gửi Bộ Xây dựng để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Trần Đình Hà

## **Bộ Xây dựng thẩm định Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) đến năm 2030**

Sáng ngày 26/5/2016, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu (CVĐCTC) Cao nguyên đá Đồng Văn - tỉnh Hà Giang đến năm 2030. Tham dự Hội nghị về phía địa phương có ông Nguyễn Văn Sơn - Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang; lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh. Về phía TW có đại diện Ban Chỉ đạo Tây Bắc, các Bộ ngành liên quan, Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam; các Hội và Hiệp hội chuyên ngành.

Theo báo cáo của đơn vị tư vấn (Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn quốc gia - VIUP), nhằm hiện thực hóa Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng CVĐCTC Cao nguyên đá Đồng Văn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 30/5/2014, VIUP hợp tác cùng nhóm chuyên gia 3RockD (Mỹ) tiến hành nghiên cứu lập đồ án QHXD khu vực này; quy mô và phạm vi quy hoạch trải rộng trên bốn huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ (tỉnh Hà Giang), diện tích tự nhiên xấp xỉ 235,68 ha. Đây là vùng đất



*Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định*

giàu tiềm năng phát triển, với các giá trị địa chất phong phú, tính đa dạng sinh học cao, nền văn hóa đa dạng đặc sắc, có tầm quan trọng đối với quốc gia và quốc tế. Năm 2010, Cao nguyên đá Đồng Văn đã được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu duy nhất của Việt Nam, và thứ 2 của Đông Nam Á. Việc lập QHXD rất cấp thiết nhằm phát huy hơn nữa các tiềm năng của địa phương. Điều này cũng phù hợp với Quyết định số 310/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy CVĐCTC Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012 - 2020 tầm nhìn 2030, trong đó nhấn mạnh “định hướng phát triển Cao nguyên đá Đồng Văn thành khu du lịch quốc gia, đầu mối để thúc đẩy phát triển du lịch, từ đó phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đảm bảo an ninh quốc phòng và ổn định chính trị một cách bền vững cho toàn vùng Bắc bộ”.

Trong đồ án, VIUP đã thể hiện rõ quan điểm mục tiêu: QHXD gắn với bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thiên nhiên - văn hóa tại Cao nguyên đá Đồng Văn để thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn phát triển. Thông qua các đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội và du lịch, hiện trạng phát triển hệ thống đô thị (với các trung tâm huyện lỵ là thị trấn Đồng Văn, Phó Bảng, Mèo Vạc, Tam Sơn và Yên Minh), tư vấn đã xác định các động lực phát triển, đưa ra những dự báo phát triển,



*Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Nguyễn Văn Sơn phát biểu tại Hội nghị*

cũng như các định hướng phát triển không gian, định hướng phát triển hệ thống đô thị, hạ tầng kỹ thuật - giao thông cho toàn vùng. Theo đó, phân vùng phát triển không gian sẽ gồm 10 vùng. Vùng Bảo tồn di sản địa chất có 15 DSDC cấp quốc tế; 68 cấp quốc gia và 56 cấp địa phương, được khoanh thành 30 cụm di sản ở 4 huyện. Vùng Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học với các khu bảo tồn thiên nhiên Du Già, Bát Đại Sơn. Vùng phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên gồm các Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Quản Bạ, Chí Sán. Vùng bảo vệ cảnh quan, danh thắng gồm Khu bảo vệ cảnh quan Mã Pì Lèng, Cột Cờ Lũng Cú. Vùng phát triển đô thị với các khu vực phát triển đô thị - trung tâm phát triển du lịch chủ đạo: Thị trấn Đồng Văn được định hướng thành trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử; thị trấn Mèo Vạc sẽ trở thành trung tâm du lịch khoa học, kết hợp với xã Pả Vi, Pả Lũng, Xín Cái trong huyện để trở thành trung tâm du lịch khoa học, mạo hiểm, thương mại cửa khẩu; thị xã Yên Minh định hướng phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; thị trấn Tam Sơn sẽ là trung tâm du lịch vui chơi giải trí....

Đặc biệt, trong đồ án, tư vấn đã tổng hợp được các giá trị di sản địa chất, địa mạo, cấu trúc và cảnh quan thiên nhiên (danh thắng Núi Đồi Quản Bạ, đại hẻm vực Tu Sản, hệ thống hang động tại Đồng Văn, Mèo Vạc); các giá trị văn hóa làm nên nét đặc sắc, sự khác biệt của

Cao nguyên đá Đồng Văn. Đó chính là những giá trị then chốt để phát triển du lịch địa phương, phù hợp với đặc điểm cộng đồng dân cư bản địa.

Về định hướng quy hoạch hạ tầng giao thông, bên cạnh việc nâng cấp, cải tạo những tuyến đường hiện hữu :Quốc lộ 4C, Quốc lộ 179, tỉnh lộ 176..., tư vấn cũng đưa ra các phương án xây mới, tạo trục kết nối Vùng thủ đô Hà Nội với chuỗi các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang; kết nối đường không thông qua việc xây dựng sân bay tại Tân Quang (huyện Bắc Quang).

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá đây là một đồ án khó và đặc thù, khối lượng công việc rất lớn, song được thực hiện rất bài bản, có chất lượng bởi một đơn vị đầu ngành là VIUP, với sự hỗ trợ tích cực của các chuyên gia quốc tế. Một số vấn đề khó khăn tồn tại trên địa bàn (cấp nước, kết nối giao thông, nhận thức cộng đồng...) đã được lãnh đạo tỉnh, tư vấn và các thành viên Hội đồng cùng chia sẻ, thảo luận để phía tư vấn có căn cứ hoàn thiện đồ án. Theo ông Nguyễn Văn Sơn - Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang, cho tới nay, bốn huyện nằm trong phạm vi quy hoạch

vẫn là bốn trong sáu huyện đặc biệt khó khăn của Hà Giang, và trong tổng số 64 huyện đặc biệt khó khăn trên cả nước. Trong bối cảnh đó, ý nghĩa của việc lập đồ án QHXD CVĐCTC Cao nguyên đá Đồng Văn hết sức to lớn. Đồ án được phê duyệt sẽ tạo động lực mới để phát triển du lịch, thu hút đầu tư cho khu vực, góp phần tạo cơ sở vững chắc để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và toàn tỉnh Hà Giang nói chung.

Tổng hợp các ý kiến của Hội đồng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị tư vấn tập trung nghiên cứu sâu hơn phân định hướng không gian, hạ tầng giao thông, mô hình quản lý; lưu ý tư vấn nghiên cứu kỹ mô hình quản lý Công viên đá cho phù hợp với điều kiện của địa phương; chú trọng các nội dung liên quan tới hệ thống đô thị trong khu vực. Thứ trưởng giao VIUP phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh và Vụ Quy hoạch Kiến trúc (Bộ Xây dựng) khẩn trương hoàn chỉnh đồ án, tờ trình và dự thảo quyết định trong vòng một tháng, làm cơ sở cho Bộ Xây dựng trình Thủ tướng phê duyệt Đồ án.

Lệ Minh

## **Nghiệm thu dự thảo soát xét TCVN của Viện Sinh thái & bảo vệ công trình**

Ngày 25/5/2016, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Soát xét, bổ sung TCVN 8268:2009 “Diệt và phòng chống mối cho công trình đang sử dụng” do Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam (Viện Sinh thái & bảo vệ công trình) chủ trì thực hiện. TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Tại cuộc họp, chủ nhiệm đề tài - TS.Nguyễn Tân Vương đã trình bày sự cần thiết sửa đổi và những nội dung soát xét, sửa đổi mà nhóm tác giả đã thực hiện đối với TCVN 8268:2009. Theo TS. Vương, mối là một trong những nguyên nhân chính gây sự xuống cấp của các công

trình đang sử dụng ở nước ta cũng như trên toàn thế giới. Diệt và phòng trừ mối cho công trình đang sử dụng là biện pháp hàng đầu để bảo vệ công trình. Trước đây, Việt Nam đã có TCVN 8268:2009, với những biện pháp kỹ thuật hiệu quả trong việc bảo đảm tuổi thọ, sự bền vững của công trình. Tính đến nay, tiêu chuẩn đã ban hành được khá lâu, cần được củng cố, soát xét lại theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ mới trong việc phòng chống mối mọt trên thế giới đòi hỏi TCVN cần được cập nhật mới để áp dụng hợp lý và hiệu quả hơn trong thực tế. Do đó, việc thực hiện đề tài này là cần thiết.

Căn cứ vào đặc điểm thành phần loài mối,



TS. Hoàng Quang Nhu chủ trì cuộc họp nghiệm thu đặc điểm và mức độ gây hại trên công trình, căn cứ vào kết quả những biện pháp phòng trừ đã qua kiểm nghiệm thực tế tại Việt Nam được quy định trong tiêu chuẩn diệt mối của các nước tiên tiến, nhóm tác giả đã thực hiện việc soát xét, sửa đổi TCVN 8268. Quá trình soát xét đảm bảo mục tiêu đưa ra những biện pháp hiệu quả nhất trong thực tế, ngăn chặn được tất cả các loại mối có thể gây hại cho công trình theo hướng tiết kiệm và thân thiện môi trường. Do vậy, một số giải pháp thi công xử lý mối bằng hóa chất như phun thuốc diệt mối cho mặt tường trong và ngoài, khoan phụt thuốc xung quanh nền móng... không đạt hiệu quả trong thực tế, đồng thời không có trong tiêu chuẩn các nước đã được nhóm tác giả cân nhắc nghiên cứu kỹ. Về vấn đề diệt mối bằng bả, TS. Vương cho biết: Đây là biện pháp hàng đầu trong việc ngăn ngừa mối tái xâm nhập, với nhiều ưu điểm vượt trội như loại bỏ hoàn toàn các tổ mối ngầm, giảm thiểu lượng hóa chất phân tán ra môi trường xung quanh nên giảm nguy cơ gây độc cho nguồn nước và không khí, hiệu quả dài lâu... Sản phẩm bả diệt mối cũng được phát triển hay quy định trong nhiều tiêu chuẩn/hướng dẫn kỹ thuật của các nước Mỹ, Australia, Malaysia, Ấn Độ...

Tiêu chuẩn được soát xét mở rộng phạm vi áp dụng và thành phần đối tượng áp dụng. Tiêu chuẩn quy định yêu cầu kỹ thuật của các biện pháp diệt và phòng chống mối cho các công trình xây dựng đang sử dụng có chứa đựng, lưu trữ hoặc dùng các vật liệu có thể bị mối xâm hại

(xenlulo, chất dẻo tổng hợp...) làm kết cấu. Đối tượng được xử lý là các giống mối gây hại cho công trình như mối gỗ ẩm (điển hình là coprotormes), mối gỗ khô (điển hình là cryptotermes), mối đất (điển hình là odontotermes, macrotermes, globitermes, microtermes).

Bố cục dự thảo tiêu chuẩn soát xét gồm 8 phần; trong đó các phần thuật ngữ - định nghĩa, phương pháp phòng chống mối, phương pháp diệt mối được sửa đổi và bổ sung. Các biện pháp diệt mối được trình bày đảm bảo cung cấp đầy đủ các giải pháp tiêu diệt những loài mối khác nhau, như biện pháp sử dụng bả (bổ sung đầy đủ các thông tin về dạng trạm bả; phương thức tiến hành); biện pháp dùng thuốc diệt mối lây nhiễm; biện pháp diệt mối gỗ khô; biện pháp diệt trực tiếp tổ mối; biện pháp khoan, phụt thuốc... Về biện pháp phòng chống mối với phần công trình đang sử dụng, bổ sung các biện pháp như dùng bả; tạo hàng rào ngăn mối trong đất; dùng thuốc bảo quản gỗ và cải tạo môi trường của công trình... So với tiêu chuẩn cũ, tiêu chuẩn soát xét tập trung đề cập những biện pháp cơ bản, hiệu quả nhất cho công trình đang sử dụng, song song với việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu việc dùng hóa chất.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng nhất trí với sự cần thiết của đề tài. Một ưu điểm nữa cũng được Hội đồng đánh giá cao - đó là sản phẩm bả diệt mối của Viện Sinh thái & bảo vệ công trình được Bộ Xây dựng cho phép thử nghiệm và đạt hiệu quả rất tốt. Theo nhận xét của Hội đồng, tiêu chuẩn được soát xét rất hợp lý, khả thi, sẽ góp phần hoàn thiện quy trình quản lý và bảo vệ các công trình xây dựng trong suốt vòng đời công trình; xây dựng hệ thống thống nhất trong kỹ thuật phòng và xử lý mối, đem lại sự an toàn, bền vững cho các công trình xây dựng.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

**Lệ Minh**

## **Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn của Viện Vật liệu xây dựng**

Ngày 26/5/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ...: 2015 “Vật liệu chịu lửa - Phương pháp thử - Xác định độ dẫn nhiệt bằng phương pháp dây nóng (song song)” do Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện. ThS. Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm biên soạn, ThS. Tạ Đắc Quý - Chủ nhiệm dự án đã trình bày sự cần thiết cũng như các căn cứ để xây dựng Dự thảo tiêu chuẩn. Theo ông Quý, vật liệu chịu lửa là sản phẩm được ứng dụng nhiều trong các ngành công nghiệp xi măng, luyện kim, hóa chất... Yêu cầu đối với sản phẩm này, tùy theo điều kiện môi trường sử dụng, rất đa dạng và phong phú. Tính chất cơ lý, chịu nhiệt của loại vật liệu này chịu nhiều yếu tố ảnh hưởng. Vì vậy, khi đưa vào sử dụng, loại vật liệu này được thí nghiệm nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác nhau. Tiêu chuẩn thí nghiệm các tính chất của sản phẩm này đã được xây dựng trong nhiều năm và tương đối đầy đủ so với các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn các quốc gia khác. Năm 1999, có 6 tiêu chuẩn phương pháp thí nghiệm được xây dựng soát xét và được ban hành thành tiêu chuẩn TCVN 6530 từ phần 1 đến phần 6. Các tiêu chuẩn thí nghiệm này được xây dựng trên cơ sở tham khảo chính là tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn EN (Châu Âu) và tiêu chuẩn GOST. Năm 2000, tiêu chuẩn xác định độ bền sức nhiệt được xây dựng mới trên cơ sở tham khảo các dữ liệu của các nhà sản xuất vật liệu chịu lửa công bố. Bản TCVN phần 7 có tham khảo thêm các tiêu chuẩn khác và tài liệu kỹ thuật về vật liệu chịu lửa. Năm 2003, tiêu chuẩn xác định độ bền xỉ và tiêu chuẩn phương pháp xác định độ dẫn nhiệt bằng phương pháp dây nóng



*Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu*

được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn GB (Trung Quốc), tiêu chuẩn ASTM, tiêu chuẩn ISO và tham khảo các tài liệu khác. Năm 2007, phương pháp xác định độ dẫn nhiệt của vật liệu chịu lửa bằng phương pháp dây nóng (hình chữ thập) được xây dựng. Qua xem xét, tiêu chuẩn phương pháp xác định độ dẫn nhiệt vật liệu chịu lửa bằng phương pháp dây nóng song song cần được xây dựng để cùng với phương pháp dây nóng hình chữ thập (tương đương ISO 8894-1) tạo thành tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn quốc tế ISO 8894.

Tiêu chuẩn này đã bổ sung hoàn thiện bộ tiêu chuẩn TCVN 6530 gồm các phần 1 đến phần 13 đã được soát xét năm 2013. Mở rộng phạm vi phương pháp thí nghiệm các sản phẩm vật liệu chịu lửa. Tiêu chuẩn phương pháp xác định độ dẫn nhiệt vật liệu chịu lửa bằng phương pháp dây nóng song song cần được xây dựng và biên dịch từ tiêu chuẩn ISO 8894-2 để cùng với phương pháp dây nóng hình chữ thập (tương đương ISO 8894-1) tạo thành tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn quốc tế ISO 8894. Tiêu chuẩn được xây dựng hài hòa với các tiêu chuẩn hiện hành của quốc tế và các tiêu chuẩn khu vực.

Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN...: 2015 “Vật liệu chịu lửa - Phương pháp thử - Xác định độ

dẫn nhiệt bằng phương pháp dây nóng (song song)” (Refractory materials - Determination of thermal conductivity - Hot-wire method (parallel)) được xây dựng với đầy đủ các nội dung cơ bản: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ và định nghĩa; Nội dung phương pháp thí nghiệm; Tính toán và báo cáo kết quả.

Về nguyên lý, phương pháp đo dây nóng song song là phương pháp đo động học, dựa trên việc đo nhiệt độ tăng tại một vị trí nhất định có khoảng cách biết trước đến nguồn nhiệt tuyến tính được gắn vào giữa hai viên mẫu thử nghiệm. Các mẫu thử nghiệm được nung nóng trong lò đến nhiệt độ quy định và duy trì ở mức độ đó để làm nóng đồng đều. Việc nung nóng cục bộ hơn nữa được đốt nóng bằng dây đốt tuyến tính nằm giữa mẫu thử theo thời gian và dọc chiều dài mẫu thử. Cặp nhiệt điện được lắp đặt cách dây nóng một khoảng nhất định và chạy song song với dây này. Mức tăng của nhiệt độ là hàm số theo thời gian, được tính từ thời điểm nguồn nóng được bật để xác định độ dẫn nhiệt của vật liệu làm mẫu thử.

Khi được ban hành áp dụng, Dự thảo tiêu chuẩn này sẽ hợp với tiêu chuẩn xác định độ dẫn nhiệt bằng phương pháp dây nóng hình chữ thập (tương đương ISO 8894-1) tạo thành tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn quốc tế ISO

8894. Nội dung kỹ thuật của bản dự thảo này khá gần gũi với nhiều tiêu chuẩn Việt Nam đã được ban hành, có khả năng áp dụng ở điều kiện phòng thí nghiệm ở Việt Nam.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cần thiết và ý nghĩa thực tiễn, ý nghĩa khoa học của đề tài, nội dung tiêu chuẩn được dịch sát và trung thực với bản gốc quốc tế, nội dung phù hợp và áp dụng được với điều kiện của Việt Nam, đồng thời biểu dương sự nghiêm túc, phương pháp tiến hành công việc rất khoa học của nhóm biên soạn. Để Dự thảo tiêu chuẩn được hoàn thiện, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến về câu chữ, thuật ngữ cần được chỉnh sửa hoặc biên dịch lại sao cho Việt hóa, sửa lại đơn vị đo, ký hiệu, phần tên tiêu đề cần thống nhất cách dùng từ với phần nội dung bên trong...

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - ThS. Nguyễn Công Thịnh nhất trí với các ý kiến đóng góp của toàn thể Hội đồng, đồng thời lưu ý nhóm tác giả hoàn chỉnh đề tài trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp để Dự thảo Tiêu chuẩn sớm được ban hành.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Kim Nhạn

## **Bộ Xây dựng nghiệm thu các dự thảo TCVN của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng**

Trong các ngày 23-24/5/2016, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KH-CN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu ba dự thảo TCVN... 2015 do các nhóm tác giả thuộc Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng biên soạn. Các cuộc họp diễn ra dưới sự chủ trì của TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KH-CN & Môi trường, Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn, các tiêu chuẩn đều được biên soạn dựa theo tài liệu gốc của Nga. Dự thảo TCVN...

“Hướng dẫn đánh giá độ tin cậy của kết cấu xây dựng của nhà và công trình theo dấu hiệu bên ngoài” (mã số đề tài TC 12-14) được nghiên cứu soạn thảo trên cơ sở Hướng dẫn kỹ thuật của Viện Nghiên cứu khoa học TW Liên bang Nga về nhà và công trình công nghiệp. Chủ nhiệm đề tài - PGS.TS. Nguyễn Xuân Chính cho biết: Để đánh giá tình trạng kỹ thuật của nhà/ công trình trong quá trình khai thác sử dụng, rất cần tiến hành khảo sát, với 2 bước khảo sát sơ bộ và khảo sát chi tiết. Trong nhiều trường





*TS. Hoàng Quang Nhu chủ trì cuộc họp nghiệm thu các đề tài của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng*

hợp có thể căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài (trực quan) để đánh giá độ tin cậy của kết cấu xây dựng, hoặc nhà/ công trình; khi đủ cơ sở sẽ đưa ra quyết định cho phép tiếp tục sử dụng, hoặc cần sửa chữa gia cố, hoặc cần tiến hành khảo sát chi tiết để có kết luận chính xác hơn. Đánh giá độ tin cậy của kết cấu xây dựng của nhà và công trình theo dấu hiệu bên ngoài do đó cần phải được biên soạn thành tiêu chuẩn.

Dự thảo được trình bày theo bố cục quy định của TCVN, với phạm vi áp dụng trong các trường hợp cần đánh giá nhanh, đánh giá gần đúng độ tin cậy các kết cấu thép, bê tông cốt thép, gạch đá và gỗ dựa theo những hư hỏng và khuyết tật trong các kết cấu đó, cũng như đánh giá tình trạng kỹ thuật của nhà/ công trình theo tình trạng kết cấu riêng lẻ. Nội dung chuyên môn tập trung vào các phần đánh giá độ tin cậy của kết cấu xây dựng theo các hư hỏng, dự báo xác suất sự cố công trình xây dựng, đánh giá trạng thái kỹ thuật của nhà/ công trình sau động đất, và đánh giá trạng thái kỹ thuật của nhà/ công trình sau hỏa hoạn theo các dấu hiệu bên ngoài.

Dự thảo TCVN...“Nhà và công trình - Các nguyên tắc khảo sát kết cấu chịu lực” (mã số đề tài TC 38-14) được biên soạn dựa trên tiêu chuẩn gốc của Nga CP 13-102-2003 “Các nguyên tắc khảo sát kết cấu chịu lực của nhà và công trình”. Tiêu chuẩn gốc đưa ra các quy định chung, khuyến nghị trình tự chung tiến



*TS. Lê Thị Thu Huyền - chủ nhiệm đề tài TC 23-14 báo cáo trước Hội đồng*

hành và trình bày báo cáo kết quả khảo sát các kết cấu xây dựng chịu lực của nhà/ công trình, đánh giá tình trạng kỹ thuật của chúng. Nhóm tác giả (do TS.Lê Minh Long chủ trì) đã nghiên cứu chuyển dịch, xây dựng thành TCVN. Tiêu chuẩn được áp dụng để khảo sát kết cấu xây dựng của nhà ở, công trình dân dụng và công trình công nghiệp từ đó đánh giá tình trạng kỹ thuật của các công trình này. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn còn được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan tới khả năng sử dụng được của nhà ở.

Về bố cục, ngoài các phần phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn... theo quy định, dự thảo tiêu chuẩn còn bao gồm các quy định chuyên môn như trình tự khảo sát và thành phần công việc, khảo sát sơ bộ, khảo sát chi tiết, tải trọng và tác động, tính toán kiểm tra kết cấu và các bộ phận, lập báo cáo khảo sát, kỹ thuật an toàn khi tiến hành khảo sát kết cấu. Cụ thể, tiêu chuẩn đưa ra quy trình, các bước tiến hành khảo sát các kết cấu xây dựng và thành phần công việc qua đó cho phép đánh giá tình trạng kỹ thuật, khả năng chịu lực thực tế của kết cấu.(trong trường hợp cần thiết, tiêu chuẩn là cơ sở để nhà xây dựng quyết định các giải pháp kỹ thuật nhằm sửa chữa, khôi phục hoặc gia cố công trình).

Theo nhận xét của Hội đồng nghiệm thu, các tiêu chuẩn này rất quan trọng và cần thiết đối với công tác kiểm định chất lượng công trình

xây dựng. Điều này càng cấp thiết hơn trong bối cảnh các sự cố công trình xây dựng có chiều hướng gia tăng, trong khi hiện nay hệ thống tiêu chuẩn - quy chuẩn Việt Nam chưa có tiêu chuẩn nào về lĩnh vực tương tự.

Về dự thảo TCVN... “Cửa sổ - Thi công lắp dựng và nghiệm thu” (mã số đề tài TC 23-14), chủ nhiệm đề tài - TS. Lê Thị Thu Huyền cho biết: Trong thi công nhà/ công trình, lắp dựng cửa sổ là một khâu quan trọng, bởi bộ phận này cần hiện đại và đồng bộ với toàn bộ công trình, đảm bảo yêu cầu chiếu sáng tự nhiên cũng như các yêu cầu về tính thẩm mỹ. Việt Nam chưa có tiêu chuẩn riêng về lĩnh vực này. Do đó, việc xây dựng TCVN về thi công lắp dựng cửa sổ là cần thiết.

Trên cơ sở tiêu chuẩn của Nga GOST-POI 2.23.62 - 2012, kết hợp tham khảo, đối chiếu với một số tài liệu viện dẫn, nhóm đề tài đã xây dựng dự thảo TCVN... 2015, gồm 10 chương và 09 Phụ lục đi kèm. Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu và trình tự tổ chức thi công lắp dựng cửa sổ và cửa đi ban công dùng cho kết cấu bao che của các công trình xây mới, cải tạo và sửa chữa (không áp dụng cho cửa sổ lấy sáng mái và cửa sổ chuyên dụng). Trong quá

trình biên soạn, nhóm đã chỉnh sửa, bổ sung, sắp xếp lại các chi tiết nội dung tiêu chuẩn gốc cũng như nội dung các tài liệu viện dẫn sao cho thống nhất, đồng bộ với hệ thống tiêu chuẩn - quy chuẩn Việt Nam. Các tiêu chuẩn viện dẫn của Nga được chuyển thành các tiêu chuẩn tương ứng của Việt Nam căn cứ theo nội dung viện dẫn. Nếu chưa có tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng, hoặc tiêu chuẩn Việt Nam không có nội dung tương ứng như tiêu chuẩn viện dẫn của Nga, nhóm đề tài chuyển thẳng nội dung liên quan trong tiêu chuẩn viện dẫn của Nga thành nội dung của dự thảo, hoặc để ở danh mục tài liệu tham khảo.

Nhận xét chung về cả ba đề tài, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng nghiệm thu đều đánh giá cao chuyên môn và chất lượng biên dịch của các nhóm tác giả. Sau khi góp ý về cách chuyển dịch một số thuật ngữ, thảo luận về các nội dung chuyên môn, Hội đồng đã thông qua cả ba đề tài của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, với kết quả bỏ phiếu xếp loại Xuất sắc cho đề tài mã số TC 12 -14 và TC 23 -14. Đề tài mã số TC 38-14 được xếp loại Khá.

Lệ Minh

## Những công trình xanh của Nga và thế giới

Xây dựng những công trình xanh tại Nga hiện đang dần trở thành một. Nếu như vài năm trước đây, người dân Nga còn chưa biết thế nào là xây dựng xanh, thì hiện nay, khối lượng thông tin liên quan tới vấn đề này đã vô cùng phong phú. Người Nga đã có những cái nhìn cởi mở, và hiểu biết ngày càng sâu sắc hơn ý nghĩa của xây dựng xanh, xây dựng bền vững. Cùng với sự phát triển của xu hướng xây dựng hiện đại trên thế giới - xây dựng xanh gắn với phát triển bền vững - những công trình xanh xuất hiện ngày càng nhiều hơn trên khắp lãnh thổ Liên bang.

Sự cấp thiết thay đổi biện pháp và công nghệ xây dựng các tòa nhà/ công trình lần đầu

tiên được khởi xướng tại châu Âu từ giữa thập kỷ 80 thế kỷ XX - vào thời điểm cuộc đại khủng hoảng năng lượng toàn cầu; rất nhiều quốc gia trên thế giới đã cắt giảm nhu cầu tiêu thụ năng lượng, trước tiên trong lĩnh vực xây dựng. Tầm quan trọng của vấn đề này được chứng minh bởi những con số thống kê Liên Hợp quốc đưa ra - các đô thị và mỗi tòa nhà/ công trình xây dựng riêng biệt trong cấu trúc đô thị tiêu thụ tới gần một nửa nguồn năng lượng của toàn thế giới.

Bên cạnh đó, tới cuối thế kỷ XX, thực trạng môi trường sinh thái toàn cầu đã làm dấy lên sự quan ngại về tiến trình đô thị hóa ồ ạt thiếu kiểm soát, về lượng phát thải khí nhà kính ngày

càng gia tăng khiến sự cân bằng của môi trường sinh học bị phá vỡ. Cùng với sự phát triển các công nghệ mới, tiêu chuẩn chất lượng cuộc sống đã và đang tiếp tục được thay đổi theo chiều hướng đi lên. Tới nay, yêu cầu của cư dân về trình độ tổ chức không gian đô thị, trình độ tổ chức hoạt động sống cho cộng đồng đã cao hơn rất nhiều so với vài thập kỷ trước. Luận thuyết về sự phát triển bền vững (sustainable development) được hình thành chính trên cơ sở này.

Trong lĩnh vực xây dựng, phát triển bền vững được hiểu là một trào lưu mới đảm bảo đẳng cấp cao hơn cho các công trình xây dựng. Đẳng cấp cao đó cần hội tụ từ 03 yêu cầu cơ bản của xây dựng xanh - yêu cầu nâng cao đối với tính tiện nghi của công trình; nhu cầu năng lượng của công trình giảm thiểu đáng kể; không có sự ảnh hưởng nào từ công trình tới con người (đang sinh sống, làm việc trong đó) và tới môi trường xung quanh.

Khái niệm công trình xanh đã được thế giới biết tới từ những năm 90 thế kỷ trước - khi nhu cầu phân cấp chính xác những công trình như vậy được đặt ra. Trước hết, cần có sự thay đổi (về chất) các đặc điểm và có sự kết hợp chặt chẽ các đặc điểm này trong từng công trình cụ thể. Nhu cầu phân cấp công trình đưa đến những nghiên cứu và ứng dụng các hệ thống chứng nhận tự nguyện chuyên ngành đối với công trình xanh, phổ biến nhất hiện nay là hệ thống LEED của Mỹ và BREEAM của Anh (thế giới đã biết tới hai hệ thống tiêu chuẩn này từ hơn hai thập kỷ trước). Trong khuôn khổ các hệ thống LEED và BREEAM, rất nhiều tiêu chí kỹ thuật liên quan tới các đặc tính tiện nghi, hiệu quả năng lượng và tính sinh thái (về cả lượng và chất) của tòa nhà/ công trình đã được đề ra.

Quy trình chứng nhận cho một công trình cần vượt qua những thang điểm theo quy định - càng nhiều tính chất “xanh”, điểm số càng nhiều hơn và cấp độ chứng nhận “xanh” cũng sẽ tương ứng cao hơn.

Trong hệ thống BREEAM, cơ cấu các tiêu chí “xanh” như sau: Quản lý, sức khỏe, năng lượng, giao thông, nước, vật liệu xây dựng, xử lý rác thải, sử dụng quỹ đất, mức độ ô nhiễm. Một phương pháp thống nhất tối ưu để đánh giá công trình xanh áp dụng ở tất cả các nước ở thời điểm hiện tại chưa có. Những quốc gia khẳng định sự thành công và hiệu quả của các hệ thống chứng nhận quốc tế thường xuyên cập nhật các hệ thống đó vào hệ tiêu chuẩn - quy chuẩn xây dựng quốc gia của mình.

Tại Nga, thời gian qua, những công trình đầu tiên được cấp chứng nhận “xanh” đã xuất hiện, dù rằng số lượng còn khiêm tốn. Điều này được lý giải bởi các yêu cầu quy định trong hệ thống tiêu chuẩn xanh quốc tế tương đối cao, và không thể tính toán áp dụng tuyệt đối cho thị trường xây dựng Nga. Ngoài ra, những nhà thiết kế Nga có đủ năng lực để thiết kế theo đúng các quy định của quốc tế chưa nhiều.

Cuối năm 2014, Hiệp hội Các nhà xây dựng Nga phối hợp với một số cơ quan chức năng đã công bố hoàn thành việc nghiên cứu soạn thảo hệ thống tiêu chuẩn “xanh” quốc gia của Liên bang Nga. Hiện tại, hệ thống này đang được triển khai ứng dụng, tuy nhiên, tiến độ triển khai còn chậm. Cần nói thêm rằng thực tế xây dựng của Nga và thế giới đã từng biết tới những công trình tuy không có chứng nhận “xanh”, song theo đánh giá của các chuyên gia khảo sát hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn công trình xanh. Sau đây là một số hình ảnh công trình xanh của nước Nga và các quốc gia khác trên thế giới:

Viện hàn lâm khoa học California tại San Francisco (Mỹ) : Công trình được hoàn thành vào năm 2008, được cấp chứng nhận BREEAM “bạch kim”.

Công trình được ứng dụng các công nghệ xanh như:

- Mái xanh: Mái được thiết kế để tối thiểu hóa dòng nước mưa, bảo đảm cách nhiệt và tạo không gian sống cho chim muông và côn trùng. Nhờ công nghệ mái xanh, chỉ có 2% lượng nước



Viện hàn lâm khoa học California  
(San Francisco - Mỹ)

mưa thải ra hệ thống kênh thu gom nước thải của San Francisco;

- Công nghệ tái chế (recycling): Tái sử dụng tới 90% rác thải xây dựng từ quá trình tái thiết tòa nhà cũ của Viện;

- Ứng dụng tối đa ánh sáng và điều hòa không khí tự nhiên: Tòa nhà mới bao gồm các văn phòng và các gian trưng bày được bảo đảm thông gió thông khí tự nhiên, và hầu như toàn bộ không gian bên trong đều được tiếp cận với ánh sáng ban ngày;

- Sử dụng nguồn năng lượng thay thế: Nhìn từ bên ngoài, kết cấu của tòa nhà được bao bọc bởi một hệ lưới bằng kính và thép, trên đó lắp đặt 60 nghìn panel quang điện, với công suất 220kw/h mỗi năm, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện của tòa nhà;

- Các công nghệ khác bảo đảm tiện nghi sống: Tiếp cận dễ dàng với hệ thống giao thông công cộng; có bãi đỗ xe đạp, nơi đỗ ô tô rộng rãi thoải mái; được trang bị các thiết bị cảm ứng kiểm soát khói thuốc lá, và kiểm soát lượng khí thải CO<sub>2</sub>... Công trình chỉ áp dụng các vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí "sạch", an toàn sinh thái.

Tòa tháp đôi Deutsche Bank (CHLB Đức) - công trình được xây từ năm 1984, sửa chữa nâng cấp giai đoạn 2007 - 2010, và đạt chứng nhận LEED "bạch kim".

Tòa tháp đôi căn hộ - văn phòng có chiều cao 155m này đã trải qua một cuộc "đại tu" lớn



Tòa tháp đôi Deutsche Bank (CHLB Đức)

chưa từng thấy tại châu Âu để trở thành một trong những tòa nhà chọc trời sinh thái nhất hành tinh. Các công nghệ xanh được ứng dụng trong tòa cao ốc này là:

- Công nghệ tái chế: Xử lý và tái sử dụng tới 98% phế thải tồn lưu từ quá trình tái thiết tòa nhà cũ. Hơn 30 tấn vật liệu xây dựng cũ đã được tái sử dụng làm các phụ kiện để xây dựng hơn 15 nghìn m<sup>2</sup> diện tích khu văn phòng;

- Cách nhiệt cải tiến: Kính hộp hai lớp được lắp đặt thay thế cho các cửa sổ cũ, và hệ thống cách nhiệt cải tiến luôn điều hòa không khí bên trong, duy trì nhiệt độ không tăng lên quá ngưỡng về mùa hè, và giảm thiểu hơn 60% sự thất thoát nhiệt về mùa đông;

- Các bộ cảm biến chuyển động: Có thể tự động bật tắt, chỉ bật khi cần và ở những vị trí cần thiết nhờ việc điều chỉnh chiếu sáng tự động;

- Bóng đèn sử dụng năng lượng hiệu quả; Ánh sáng tự nhiên; tối ưu hóa việc sử dụng ánh sáng ban ngày giúp giảm đáng kể nhu cầu tiêu thụ năng lượng của cả tòa nhà;

- Thang máy sử dụng năng lượng tích cực: Tùy theo hướng chuyển động và vận chuyển, các thang máy cũng phát điện - điện này sau đó ngược về mạng điện của công trình;

- Các biện pháp tiết kiệm năng lượng cho khối văn phòng: Nhìn chung nhu cầu tiêu thụ điện trong cả tòa nhà nhờ đó giảm khoảng 55%;

- Tái sử dụng nước: Nước mưa và nước thải hàng ngày được tái sử dụng sau khi qua xử lý



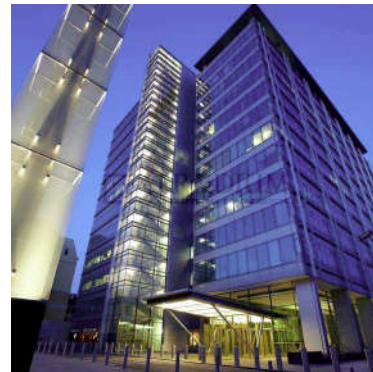
Phân xưởng thuộc công ty Delta Electronics  
(Rudrapur - Ấn Độ)

làm sạch trong hệ thống tưới tiêu bên trong tòa nhà, sử dụng để tưới cây, cọ rửa toilet... Nhờ đó lượng nước cần tiêu thụ của tòa nhà giảm đi hơn 40%;

- Năng lượng thay thế: Hơn 50% nhu cầu tiêu thụ nước nóng hàng ngày được đảm bảo bởi các thiết bị thu gom ánh sáng, biến năng lượng mặt trời thành nguồn nhiệt lượng cần dùng. Nước nóng dư thừa sẽ được chuyển vào hệ thống sưởi. Nhờ đó, lượng nước sinh hoạt giảm khoảng 26 nghìn m<sup>3</sup> mỗi năm.

Phân xưởng thuộc công ty Delta Electronics tại Rudrapur (Ấn Độ) được cấp chứng nhận LEED “vàng”. Trong những tuyên thệ về trách nhiệm xã hội của Delta Electronics có nêu rõ: công ty chỉ xây dựng những tòa nhà xanh. Phân xưởng tại Rudrapur tiêu thụ nguồn năng lượng ít hơn 35% so với những tòa nhà thông thường trong vùng. Trong quá trình xây dựng, các chuyên gia đã sử dụng các công nghệ chiếu sáng và điều hòa không khí tự nhiên; tái sử dụng nước; vật liệu xây dựng sinh thái. 60% mặt bằng xưởng nằm ngoài trời và được phủ xanh. Delta Electronics có 03 dây chuyền sản xuất tại Ấn Độ, tất cả đều đạt chứng chỉ LEED, kể cả trụ sở văn phòng công ty tại Gurgaon (Ấn Độ).

Trung tâm thương mại Ducat Place III tại Moskva (Nga) do Tập đoàn Skidmore, Owings & Merrill của Anh thiết kế, được cấp chứng nhận BREEAM. Tòa nhà 14 tầng tọa lạc trên con phố Gasheka giữa trung tâm Thủ đô, là tòa



Trung tâm thương mại Ducat Place III  
(Moskva - Nga)

nhà thứ hai, đồng thời là công trình thương mại đầu tiên của Nga được cấp chứng nhận công trình xanh theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong các công nghệ xanh được ứng dụng, có thể kể tới hệ thống chiếu sáng sử dụng năng lượng hiệu quả (các bóng đèn thông thường được thay thế bằng bóng tiết kiệm năng lượng. Trong tòa nhà có ứng dụng các chương trình vận hành bằng máy tính hệ thống ánh sáng có tính toán thời gian ngày đêm cụ thể); tối ưu hóa hoạt động của hệ thống thang máy và điều hòa không khí, nhờ đó nhu cầu tiêu thụ năng lượng giảm tới 35%; thu gom phân loại rác thải (một dây chuyền xử lý rác thải khép kín được lắp đặt tại đây. Cần nhớ rằng ở thời điểm hiện tại, Moskva chưa có chương trình xử lý rác thải chung cho toàn thành phố).

Đơn vị vận hành tòa nhà tổ chức việc xử lý chất thải một cách có hệ thống sau khi đã ký kết hợp đồng với các nhà thầu tư nhân về việc xử lý các phế thải từ hoạt động văn phòng như giấy, bìa carton, nhựa, kim loại, kính, bóng đèn, pin cũ...; bãi đỗ xe đạp tự động; bãi đỗ xe hơi rộng lớn với những chỉ số cao nhất về tỷ lệ diện tích/ chỗ đỗ xe cho khu vực trung tâm Moskva). Điểm lý thú nữa là tòa nhà có 4 mặt tiền thông thoáng, với view khá đẹp từ cửa sổ nhìn về tất cả các hướng.

Nhà thụ động đầu tiên của Nga tại Vùng Moskva: Có tổng diện tích 230m<sup>2</sup>, đạt tiêu chuẩn công trình xanh theo hệ tiêu chuẩn



Nhà thụ động đầu tiên của Nga tại Vùng Moskva

“xanh” quốc gia. Các chỉ số lý nhiệt của tường, sàn, trần và mái nhà, cửa sổ và cửa ra vào đều vượt chỉ tiêu thông thường từ 36 - 144%; nhu cầu năng lượng giảm xấp xỉ 71% so với tiêu chuẩn. Lượng nhiệt năng tiêu thụ chỉ bằng 1/5 - khoảng 33 kw\*h/m<sup>2</sup> mỗi năm - so với các ngôi nhà thông thường. Các công nghệ xanh ứng dụng là:

- Định hướng: Nhà được định hướng theo hướng ánh sáng. Mái dốc không đối xứng, phần dốc hơn về hướng nam đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng năng lượng cho ngôi nhà. Đồng thời, việc tích hợp năng lượng mặt trời dễ dàng hơn nhờ các ô cửa sổ trên mái được bố trí hợp lý, kết hợp với thiết bị thu gom ánh sáng hiện đại của VELUX;

- Rèm che nắng tự động: Tất cả các cửa sổ được lắp đặt rèm chống nắng, có thể tự động kéo ra để tăng độ chiếu sáng và sưởi ấm căn nhà bằng năng lượng mặt trời, hay tự động khép lại nhằm giữ bầu không khí bên trong được mát mẻ vào những ngày nóng bức;

- Tự động hóa quy trình điều khiển hệ thống kỹ thuật: Trạm khí tượng mini tự động sẽ theo dõi vận tốc và hướng gió, ngoài ra mỗi phòng đều được lắp thiết bị cảm biến để xác lập nhiệt độ, độ ẩm không khí và mức phát thải CO<sub>2</sub>;

- Năng lượng thay thế: Việc cấp nước nóng được bảo đảm nhờ các thiết bị thu gom ánh sáng, và trong hệ thống sưởi lắp đặt bơm nhiệt;

- Ánh sáng tự nhiên: Hệ số chiếu sáng tự



Ngôi nhà sinh thái “Freedom” với tường xây bằng rơm rạ ép tại Vùng Moskva (Nga)

nhiên ở đây chiếm 8,5% - tức là vượt rất nhiều lần so với mức tối thiểu theo quy định là 0,5%.

Eco - house Freedom tại Vùng Moskva: Là sự kết hợp hài hòa hai yếu tố của một ngôi nhà sinh thái - tiết kiệm và sinh thái. Dự án giải quyết vấn đề nhà ở bằng giải pháp hợp lý, khả thi, và đề xuất được một mô hình rất thuyết phục về công nghệ xây nhanh những ngôi nhà, những công trình công cộng có tính sinh thái cao trên cơ sở hiện đại hóa công nghệ xây dựng bằng kiện rơm (straw - bale - construction), đồng thời ứng dụng vật liệu cách nhiệt dành cho kết cấu bao che và các thiết bị cách nhiệt khác. Một vài thông số thiết kế cơ bản của tòa nhà:

- Cấp độ sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả - cấp độ A: Mức tiêu thụ năng lượng theo tính toán là 35 kw\*h/m<sup>2</sup> mỗi năm (tức là chỉ bằng 1/5 so với định mức tiêu chuẩn của Nga);

- Tính sinh thái cao: Trong quá trình thi công xây dựng sử dụng hoàn toàn vật liệu sinh thái, thân thiện môi trường cho các kết cấu bao che (khối xây Ecotep từ rơm rạ ép); ngoại thất gỗ tự nhiên qua xử lý nhiệt, các chế phẩm hóa chất “xanh” của BASF....

**TS. Svetlana Dwing**

*Nguồn: Tạp chí Unido Russia tháng 3/2015*

**ND: Lê Minh**

## **Phương pháp thiết kế mang tính hạn chế trên đường sá ở Hoa Kỳ**

### **1. Khái niệm thiết kế mang tính hạn chế**

#### **(1) Thiết kế mang tính hạn chế**

Trong quá trình nghiên cứu hiện nay về khái niệm thiết kế hạn chế chủ yếu có một số loại. Nghĩa rộng của thiết kế hạn chế là chỉ tất cả những điều kiện hạn chế có liên quan tới mục đích thiết kế cần đạt được, nghĩa hẹp của thiết kế hạn chế là tăng thêm hạn chế đối với người sử dụng, sản phẩm và môi trường, đồng thời hướng dẫn những hành vi hợp lý cho con người, để làm cho hệ thống có thể vận hành một cách an toàn, hợp lý và có hiệu quả cao.

Thiết kế hạn chế chủ yếu được ứng dụng trong thiết kế công nghiệp, ví dụ trên đường cao tốc để hạn chế sự cố giao thông xảy ra cần thiết kế đoạn dốc nhỏ hoặc đoạn đường gồ ghề, ghé ngói ở công viên thông qua thiết kế hạn chế độ dài và rộng để nhằm hạn chế người qua lại nằm ngủ ngay tại ghé, những nguyên tắc tiến hành thiết kế hạn chế đều có thể gọi là “thiết kế hạn chế”.

#### **(2) Thiết kế hạn chế ở những vấn đề giao thông đường sá**

Thiết kế hạn chế được ứng dụng rộng rãi trong thiết kế đường sá giao thông, ví dụ trên đường thiết kế gờ giảm tốc và một số tín hiệu giao thông..., đều là những phương pháp biểu hiện khác nhau của thiết kế hạn chế. Để bảo đảm an toàn giao thông trên đường và tăng thêm phần ngăn chặn hoặc tín hiệu ngăn chặn hạn chế đối với hành vi của xe cộ, chỉ thị cho người lái xe và người tham gia giao thông tuân theo quy định phương hướng, địa điểm của biển báo giao thông, đều là tiến hành kiểm soát đối với hành vi lưu thông của người và xe cộ. Gờ giảm tốc cũng là biện pháp hạn chế thường dùng trong thiết kế đường sá. Thông qua những biện pháp hạn chế này có thể giải quyết được những vấn đề về giao thông trên đường phố.

#### **(3) Định nghĩa khái niệm thiết kế hạn chế**

#### **trong thiết kế đường sá**

Tác giả cho rằng thiết kế hạn chế là tiến hành nghiên cứu đối với nguyên tố “vật”, cũng là tổng hợp tâm lý học thiết kế đối với công tác nghiên cứu “con người”, ngày nay trong quá trình tăng cường thiết kế với mục tiêu “lấy con người làm chủ thể”, cách trình bày về thiết kế hạn chế càng hệ thống hơn, hàm nghĩa bao gồm cũng rộng hơn. “Thiết kế hạn chế” trong thiết kế đường phố là bảo đảm cho người tham gia giao thông có được cảm giác thoải mái khi tham gia giao thông, trên đường phố bố trí những cảnh báo hoặc những cản trở để tạo thành thói quen cho người tham gia giao thông khi lưu thông trên đường, từ đó thay đổi một loại phương pháp thiết kế đối với thói quen của người tham gia giao thông. Thiết kế hạn chế như là hình thành cho người tham gia giao thông những hạn chế và cản trở, trên thực tế là quan hệ nhíp nhàng giữa môi trường đường phố với người tham gia giao thông, nhằm đáp ứng nhu cầu sống và làm việc của con người. Thiết kế hạn chế trong thiết kế đường sá tức là xây dựng hệ thống hạn chế đối với tốc độ và lượng đối tượng tham gia giao thông.

### **2. Thiết kế hạn chế áp dụng trên đường phố ở Hoa Kỳ**

Trong hoạt động thực tiễn của thiết kế đường phố ở Hoa Kỳ đã ứng dụng biện pháp thiết kế mang tính hạn chế, giảm thiểu sử dụng xe động cơ mang tới ảnh hưởng trái chiều, thay đổi hành vi lái xe của người lái xe tham gia giao thông và để có thể cung cấp cho người tham gia giao thông khác một môi trường giao thông tốt hơn, bảo đảm cho tất cả mọi đối tượng khi tham gia giao thông trên đường được an toàn.

#### **(1) Hạn chế lượng giao thông Volume Control Devices**

Biện pháp hạn chế lượng giao thông chủ yếu là nhằm vào một con đường nào đó, biện

pháp này có hiệu quả trong việc làm giảm lượng đối tượng tham gia giao thông.

### **(2) Hạn chế cơ sở tốc độ - Speed Control Devices**

Hạn chế cơ sở tốc độ của xe chủ yếu thông qua thiết kế hạn chế nhằm thay đổi bề mặt đường... để cường chế người lái xe phải giảm tốc độ xe. Hạn chế tốc độ bao gồm hạn chế tốc độ sao cho phù hợp, hạn chế hướng lưu thông của xe cộ, hạn chế hình thái của đường sá.

### **(3) Hạn chế kết hợp với người đi bộ**

Phần vạch kẻ ngang trên đường hoặc vỉa hè cao hơn so với mặt đường dành cho người đi bộ Raised Crosswalks, làm cho người đi bộ có thể nhận biết được khoảng cách và khả năng an toàn. Phần đường đi bộ này làm cho người lái xe dễ phát hiện ra người đi bộ. Nút đường giao nhau nổi Raised Intersections là một phần đỉnh của khu vực bằng phẳng, khu vực này bao phủ toàn bộ nút đường giao nhau, độ cao của khu vực này thông thường gần bằng với độ cao của phần đường dành cho người đi bộ. Mặt đường vân Textured Surfaces thông thường kết hợp sử dụng với thiết bị giảm tốc giao thông khác, có lúc có thể sử dụng riêng bề mặt đường không bằng phẳng, thông thường có thể thiết kế trên cả con đường.

### **(4) Tổng kết đặc điểm của thiết kế hạn chế đường sá ở Hoa Kỳ**

Thiết kế hạn chế đường sá Hoa Kỳ tức là xem xét tới những nguyên tố hạn chế, hơn thế nữa còn xem xét tới những nguyên tố chủ quan của con người. Không chế và kiểm soát ở một mức độ thích hợp. Những biện pháp thiết kế hạn chế trên đường phố Hoa Kỳ đều phát sinh ảnh hưởng rõ rệt đối với lưu lượng xe cộ và tốc độ của xe cộ trên đường. Nhóm nghiên cứu về những công trình vận tải Hoa Kỳ đã thông qua hiệu quả rõ rệt của những biện pháp này tiến hành phân loại khác nhau, khi tổ hợp kết quả của những biện pháp này được vận dụng một cách hợp lý có thể có ảnh hưởng rõ rệt tới lưu lượng và tốc độ của xe cộ. Nhưng thiết kế của

những biện pháp này thông qua việc điều tiết độ liên quan giữa môi trường đường sá với xe cộ, đưa ra những xem xét chi tiết đối với thiết kế hạn chế, làm cho biện pháp hạn chế trên đường sá có thể kiểm soát được giao thông, cần lấy việc kiểm soát độ thích hợp hợp lý của người lái xe trong phạm vi tốc độ cho phép.

Tăng cường khả năng tham gia của người dân. Thiết kế đường sá ở Hoa Kỳ yêu cầu toàn bộ quần chúng nhân dân cùng tham gia, do người dân ở các khu vực cư trú quyết định có cần thực hiện quy hoạch đường sá của dự án thiết kế nào đó hay không? Trong phần lớn thứ tự quy hoạch đường sá ở Hoa Kỳ đều có thể do vấn đề nhận biết của người dân hoặc người công nhân, xác định xử lý vấn đề này thay cho kỹ thuật và sự vật. Trong công tác quy hoạch đường sá ở Hoa Kỳ, nguyên tố quan trọng nhất là phương pháp thiết kế lựa chọn phù hợp và sự tham gia của quần chúng nhân dân. Sự tham gia không đầy đủ của người dân có thể dẫn tới những tổn thất về thiết kế hạn chế đường sá.

### **3. Kết luận**

Khu dân cư là nơi quan trọng của những hoạt động thông tin hàng ngày và sinh hoạt của người dân đô thị, làm thế nào để xây dựng một hệ thống đường sá an toàn trong khu dân cư thì những thiết kế hạn chế cho đường sá của khu dân cư đô thị ngày một trở lên quan trọng rõ rệt. Những khác biệt giữa Hoa Kỳ với Trung Quốc đóng vai trò là những khái niệm có ứng dụng thành công ở nước ngoài, thiết kế đường sá khu dân cư ở Trung Quốc có thể áp dụng từ những thiết kế đường sá ở Hoa Kỳ để đưa ra những khái niệm và phương pháp có thể áp dụng, điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với giao thông đường phố ở đô thị và thiết kế đường sá khu dân cư Trung Quốc.

**Triệu Đoàn - Từ Ninh**

*Theo tạp chí xây dựng đô thị và nông thôn  
Trung Quốc kỳ 2/2016*

**ND: Khánh Ly**



## Để xây dựng đô thị quay trở về vị trí ban đầu của nó

Nhìn lại năm 2015, từ sự cố giẫm đạp nhau trong đêm chuyển giao năm mới tại bến Thượng Hải cho tới sự cố chìm tàu xảy ra ở Trùng Khánh, từ vụ nổ kho hàng hóa nguy hiểm tại khu vực mới Tân Hải, Thiên Tân tới vụ lở đất núi tại khu mới Quang Minh tỉnh Thâm Quyến cho thấy những sự cố an toàn công cộng bất ngờ luôn khiến cho người dân cảm thấy thực sự bất an.

Do không gian đô thị chật hẹp, đường sá đan xen ngang dọc, dân số tập trung đông đúc, các rủi ro về an toàn công cộng như an toàn giao thông, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn sản xuất, an toàn cấp nước, an toàn xã hội, tai họa khẩn cấp... càng ngày càng trở nên nghiêm trọng. Vô số các hiểm họa như ô nhiễm nguồn nước đô thị, các loại tai nạn giao thông, tai nạn hỏa hoạn, tấn công khủng bố đô thị... đang uy hiếp nghiêm trọng tới sinh mạng, tài sản và sự an toàn của quần chúng nhân dân.

Làm sao để giữ vững an toàn đô thị? Làm sao bảo đảm cuộc sống bình yên cho người dân đô thị? Ngày 20/12/2015, Hội nghị Công tác đô thị Trung ương Trung Quốc đã trả lời những lo lắng của người dân: Cần đặt an toàn lên vị trí hàng đầu, nắm chắc khâu an toàn, khâu chất lượng, đồng thời đưa công tác an toàn vào trong công tác đô thị và các lĩnh vực, các khâu trong phát triển đô thị. Điều này có ý nghĩa là, trong quá trình phát triển đô thị sau này, không khó để thấy được, mặc dù vị trí các sự cố không giống nhau, nguyên nhân khác nhau và tính chất khác nhau, nhưng có một điểm chung đó là triết lý phát triển đô thị có sự sai lệch, ý thức an toàn đô thị chưa cao, trình độ quản lý đô thị chưa cao, quản lý đô thị vẫn chưa bắt kịp với các bước phát triển đô thị. Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân cũng như vậy, đến cả đô thị mới nổi là Thâm Quyến cũng không ngoại lệ. Đô thị, không chỉ là nơi mưu sinh của đông đảo người dân đô thị mà còn là ngôi nhà

nơi họ sinh sống. Để ngày càng nhiều người dân cảm thấy an tâm sinh sống trong ngôi nhà đô thị, cần phải giữ được sự an toàn trong phát triển đô thị, từ đó bảo vệ an toàn về sinh mạng và tài sản cho người dân.

### Đổi mới triết lý phát triển

Quá trình phát triển đô thị cũng sẽ sản sinh rất nhiều “căn bệnh đô thị”: Hãy nhìn môi trường, trời xanh mây trắng đã trở nên hiếm có, trong khi sương mù, khói bụi lại là những vị khách thường xuyên của đô thị. Hãy nhìn giao thông, nâng cao phí trông giữ xe, mở rộng lòng đường... xem ra vẫn không thể thay đổi hiện tượng ùn tắc giao thông. Hay xem công tác xây dựng đô thị, hàng trăm tuyến đường đô thị sẽ biến thành sông mỗi khi có những cơn mưa lớn. Đặc biệt, điều đáng cảnh tỉnh đó là, những hiểm họa về an toàn công cộng rất nhiều, cơ chế bảo đảm không hoàn thiện, các sự cố an toàn công cộng tại đô thị phát sinh thường xuyên, uy hiếp lớn tới cuộc sống cũng như tài sản của người dân. Về lý do, đa số địa phương quá coi trọng tích lũy vật chất và xem nhẹ việc phát triển con người, coi trọng xây dựng phần cứng mà xem nhẹ các dịch vụ công cộng, sao nhãng thuộc tính phi vật chất của đô thị và sao nhãng một nhân tố quan trọng là “con người”. Hiện tại, cần xử lý tốt mối quan hệ giữa đô thị và người dân, đô thị và tự nhiên, “con người” cần được đưa lên một vị trí quan trọng hơn. Trong quá trình thúc đẩy tiến trình đô thị hóa, rất cần xóa bỏ những động thái coi trọng bề ngoài mà xem thường nội tại, coi trọng hình tượng mà lơ là chức năng, trọng khung bề ngoài mà thiếu coi trọng chi tiết, trọng ngắn hạn và xem nhẹ hiệu quả dài lâu. Hãy để việc xây dựng đô thị quay trở về vị trí vốn có của nó, tích cực giải quyết các vấn đề phát triển sinh tồn của con người, vấn đề an cư lạc nghiệp của con người và vấn đề an khang hạnh phúc của con người.

### Tối ưu hóa quy hoạch đô thị

Để xảy ra lỗi trong quy hoạch là sự lãng phí lớn nhất, quy hoạch phải làm đi làm lại là điều tối kỵ nhất. Theo phân tích, sở dĩ một số đô thị thường xuyên xảy ra các sự cố an toàn công cộng là do những lỗi lầm trong quy hoạch. Ví dụ, hệ thống đường ống ngầm thiếu sự hài hòa mang tính hệ thống, các cơ quan quản lý về điện lực, nguồn nước, điện tín, khí đốt, cấp nhiệt ... có sự phân tách với nhau, nhà càng xây càng cao, hiện tượng không bố trí đường dẫn phòng cháy chữa cháy... tồn tại phổ biến, điều này luôn khiến người dân cảm thấy bất an. Vì thế, để đảm bảo đô thị được vận hành an toàn, cần tối ưu hóa quy hoạch đô thị. Kinh nghiệm và bài học đã cảnh tỉnh chúng ta, quy hoạch xây dựng cần được xem xét đầy đủ tới những nhu cầu dài lâu và các xu thế phát triển ngày càng phức tạp. Xây dựng đô thị vừa phải xem bố cục có hợp lý hay không, vừa phải tính toán kỹ về khâu bảo trì bảo dưỡng sau này, điều này giúp đô thị phát triển có trật tự hơn, an toàn hơn và có lợi cho người dân hơn.

#### **Thực thi quản lý, giám sát thường ngày**

Một số lượng lớn các sự cố an toàn tại đô thị đã chứng minh, ngoài các nhân tố khó có thể thay đổi là tự nhiên, hầu hết các sự cố an toàn đều thuộc các sự cố về trách nhiệm. Cho dù là vụ nổ hàng hóa nguy hiểm xảy ra tại Thiên Tân tháng 8/2015 hay sự cố sạt lở núi tại Thâm Quyến, nguy hiểm là điều có thể dự kiến, thậm chí nhìn thấy, chỉ cần công tác quản lý giám sát được thực hiện tốt hàng ngày, điều này giúp loại bỏ những hiểm họa kịp thời, từ đó ngăn chặn và loại trừ sự cố ngay từ lúc manh nha phát sinh.

#### **Hoàn thiện cơ chế khẩn cấp**

Quan sát từ phạm vi lớn cho thấy, rất nhiều đô thị có cơ chế khẩn cấp mang tính tạm thời, các công tác có liên quan trên thực tế vẫn phần tán tại nhiều cơ quan chức năng. Trong khi đó, các cơ quan chức năng có liên quan lại thuộc các hệ thống khác nhau, có lãnh đạo khác nhau. Trong quản lý thường ngày, các cơ quan có cách hành động riêng biệt, thông tin riêng rẽ, lý do này đã khiến cho cơ chế khẩn cấp khó có thể thực thi hiệu quả. Vì vậy, tăng cường cơ chế dự phòng xử lý an toàn công cộng bao gồm các biện pháp xử lý nguy cơ, giám sát quản lý, xây dựng quyết sách, động viên và đảm bảo xã hội, dự phòng nguy cơ, trao đổi thông tin khẩn cấp. Xây dựng hệ thống trách nhiệm quản lý khẩn cấp với đảng ủy lãnh đạo, chính quyền đứng đầu quản lý, các cơ quan hợp tác, phân cấp phụ trách, đồng thời kiện toàn thể chế quản lý khẩn cấp lấy quản lý phân loại, phân cấp phụ trách làm chủ đạo, từ đó hình thành hệ thống khẩn cấp được chỉ huy thống nhất, có chức năng kiện toàn, phản ứng nhạy bén, vận chuyển hiệu quả cao. Tăng cường các công tác dự báo, cảnh báo, đồng thời hoàn thiện các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Tăng cường xây dựng đội ngũ ứng phó khẩn cấp chuyên nghiệp, làm tốt việc huấn luyện, nâng cao năng lực chống lại rủi ro trong toàn xã hội.

**Dương Minh Sinh**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn,  
số 3/2016*

**ND: Kim Nhạn**

## **Bộ Xây dựng triển khai Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng**

Ngày 18/5/2016 tại trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đã chủ trì Hội nghị cán bộ chủ chốt về triển khai Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Tham dự Hội nghị có các đồng chí Thứ trưởng: Phan Thị Mỹ Linh, Lê Quang Hùng, Bùi Phạm Khánh, Đỗ Đức Duy và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.

Phát biểu mở đầu Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh, việc xây dựng Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng là một việc rất quan trọng và đây chính là chương trình hành động của cả nhiệm kỳ. Chương trình hành động này cần bám sát Nghị quyết Đại hội XII, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 - 2020, Nghị định của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng, và các chiến lược quốc gia, các quy hoạch ngành có liên quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với các yêu cầu của thực tiễn.

Tại Hội nghị này, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, các đồng chí Thứ trưởng và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng đã nghe Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính Đặng Văn Long trình bày Dự thảo Chương trình hành động của ngành Xây dựng. Nội dung của Dự thảo Chương trình hành động đưa ra các yêu cầu, mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu, 12 nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện, danh mục các chương trình, đề án cần triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020.

Sau khi nghe các ý kiến phát biểu của các



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì Hội nghị*

đại biểu dự Hội nghị về Dự thảo Chương trình hành động, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà hoan nghênh các đồng chí Thứ trưởng đã chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ cố gắng nghiên cứu, tổng hợp và xây dựng Dự thảo Chương trình Hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết XII của Đảng. Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cũng biểu dương các ý kiến phát biểu của lãnh đạo các đơn vị dự Hội nghị và chỉ đạo ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chỉ đạo, Chương trình hành động của ngành Xây dựng trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 cần đạt được các yêu cầu về tính toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm trọng điểm, cụ thể hóa tối đa các nội dung công việc, các chỉ tiêu, tiến độ thực hiện và đơn vị thực hiện. Các nhiệm vụ trọng tâm là đi sâu vào các chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó chú trọng đến nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; phát triển đô thị hiệu quả và bền vững; kiểm soát, thúc đẩy thị trường bất động sản - nhà ở phát triển lành mạnh; thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.

Trong các nhiệm vụ trọng tâm đó, Bộ trưởng

Phạm Hồng Hà gợi ý Ban soạn thảo nghiên cứu, chất lọc các nội dung mang tính đột phá và đổi mới: Xây dựng thể chế và các cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, đổi mới hệ thống tiêu chuẩn - quy chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật, phát triển khoa học công nghệ; xây dựng các công cụ quản lý đô thị, đào tạo cán bộ, công chức lãnh đạo và chuyên môn quản lý đô thị; xây dựng hệ thống công cụ kiểm soát thị trường bất động sản, các cơ chế chính sách và mô hình phát triển nhà ở xã hội, chính

sách hỗ trợ phát triển nhà ở cho thuê, cơ chế vốn cho thị trường bất động sản...

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cũng chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng căn cứ Chương trình hành động của ngành Xây dựng để xây dựng chương trình hành động của từng cơ quan, đơn vị, trong đó cụ thể hóa các công việc cũng như giải pháp, tiến độ thực hiện và kết quả đạt được.

**Minh Tuấn**

## **Bộ trưởng Phạm Hồng Hà dự Hội nghị Biểu dương điển hình tiên tiến, lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2016**

Ngày 26/5/2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà dự Hội nghị Biểu dương điển hình tiên tiến, lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2016, do Bộ Xây dựng phối hợp với Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức tại Hà Nội. Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đánh giá cao những kết quả đạt được thông qua các phong trào do Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức, phát động, đồng thời nhấn mạnh nếu không có phong trào thi đua thì sẽ không tạo ra được động lực thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động.

Dự Hội nghị có Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Bùi Văn Cường; Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương Trần Thị Hà; Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình.

Tiếp nối truyền thống thi đua yêu nước của ngành Xây dựng gần 60 năm qua cùng với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ Xây dựng, năm 2015, Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã phát động, tổ chức 716 phong trào thi đua, cuộc vận động với các nội dung phong phú, cụ thể và thiết thực nhằm động viên, thu hút cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động tham gia

hưởng ứng, góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, đảm bảo chất lượng công trình, sản phẩm ngành Xây dựng.

Đặc biệt, phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” tiếp tục được Công đoàn Xây dựng Việt Nam chú trọng đẩy mạnh trong năm 2015, tạo động lực quan trọng để cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động toàn Ngành phát minh 367 sáng kiến, đề tài được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn, góp phần làm lợi cho nhà nước hơn 54 tỷ đồng.

Ghi nhận những thành tích trên, Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã tổ chức tuyên dương 231 cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2016, đại diện cho hơn 260.000 công nhân, viên chức, người lao động toàn Ngành. Trong đó, 8 cá nhân vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba, 14 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, 11 cá nhân được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng Lao động sáng tạo, 32 cá nhân được Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Bằng khen, 30 cá nhân được Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng



*Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Huân chương Lao động Hạng Ba cho các điển hình tiên tiến xuất sắc của ngành Xây dựng*

khen, 136 cá nhân được Công đoàn Xây dựng Việt Nam tặng Bằng Khen.

Các cá nhân được biểu dương, khen thưởng tại Hội nghị lần này là những người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau, có trình độ học vấn, tay nghề và thời gian công tác khác nhau nhưng đều có chung niềm khát khao, tìm hiểu và nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, sáng tạo lao động sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm tài nguyên, nhiên vật liệu, cải thiện điều kiện làm việc góp phần xây dựng đơn vị ngày càng phát triển. Các cá nhân được biểu dương khen thưởng là những tấm gương tiêu biểu của Ngành, thể hiện tinh thần dám nghĩ, dám làm, có tinh thần lạc quan, luôn vượt qua những khó khăn của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trích dẫn lời dạy của Bác: “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua và những người thi đua là những người yêu nước nhất”, khi nói về những điển hình xuất sắc của ngành Xây dựng đồng thời nhấn mạnh 231 điển hình tiên tiến được tuyên dương, khen thưởng tại Hội nghị là những tấm gương thiết thực để toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động trong ngành Xây dựng học tập, noi theo.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết: Người lao động trong ngành Xây dựng phần lớn làm



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị*

việc ở những công trường, nơi có điều kiện làm rất khó khăn, thậm chí là ở các vùng sâu vùng xa. Không những thế, nhiều công trình trong số đó là những công trình lớn, trọng điểm quốc gia, nên cần phát động nhiều phong trào thi đua một cách thiết thực nhằm tạo động lực phấn đấu cho người lao động.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà khẳng định Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng luôn luôn quan tâm, tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của Công đoàn Xây dựng Việt Nam. Bộ trưởng chỉ đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua yêu nước, đảm bảo các phong trào gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị và đời sống thực tiễn của người lao động.

Kết thúc Hội nghị, Phó Chủ tịch Thường trực Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ kêu gọi toàn bộ công đoàn viên, công nhân, viên chức, người lao động ngành Xây dựng tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam, nêu cao tinh thần chủ động sáng tạo và ý thức trách nhiệm, tích cực triển khai các phong trào thi đua yêu nước, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của từng đơn vị và toàn Ngành, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Trần Đình Hà**

## **Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng**

Ngày 25/5/2016, tại trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì Hội nghị Học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Dự Hội nghị có Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo cáo viên Trung ương Phạm Văn Linh; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình và toàn thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.

Tại Hội nghị, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo cáo viên Trung ương Phạm Văn Linh trình bày những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, trong đó nhấn mạnh mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2016 - 2020 là: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, trên cơ sở quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc thực hiện các quan điểm, nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực đã nêu trong Báo cáo chính trị và Báo

cáo kinh tế - xã hội, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững, đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả các nhiệm vụ trọng tâm sau gồm: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ; xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống lãng phí, quan liêu; tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tiếp tục thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thu hút và phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực sáng tạo của nhân dân; phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội).

Bên cạnh đó, ông Phạm Văn Linh cũng trình bày Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII thông qua, với mục tiêu bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước (giai đoạn 2010 - 2015). Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí



Hội nghị do Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Giữ gìn hòa bình, ổn định, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Triển khai Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh 3 nhiệm vụ trọng tâm của ngành Xây dựng trong 5 năm tới, gồm: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình; chống thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của các đô thị; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, hiệu quả, thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến



Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, Báo cáo viên Trung ương Phạm Văn Linh phát biểu tại Hội nghị

lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trọng tâm là đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội.

Để thực hiện thành công 3 nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng tổ chức rà soát tổng thể và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế, ban hành đầy đủ, kịp thời các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; hoàn thiện cơ chế phân cấp, ủy quyền hợp lý trong các hoạt động xây dựng; đôn đốc, hướng dẫn, đánh giá việc thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng; tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng công trình, an toàn xây dựng; nâng cao năng lực của các cơ quan chuyên môn về xây dựng cũng như của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng.

Trần Đình Hà

## **Thứ trưởng Đỗ Đức Duy làm việc với Đoàn kiểm tra liên ngành về công tác theo dõi thi hành pháp luật**

Sáng ngày 25/5/2016, Đoàn kiểm tra liên ngành về công tác theo dõi thi hành pháp luật do ông Đặng Thanh Sơn - Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính & theo dõi thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp), quyền Trưởng đoàn dẫn đầu đã có buổi làm việc tại Bộ Xây dựng. Làm việc cùng đoàn có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng, Thanh tra Bộ Xây dựng.

Báo cáo với đoàn tình hình thi hành pháp luật năm 2016 (tính đến tháng 5/2016) theo tinh thần Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và yêu cầu tại Công văn số 1528/BTP-QLXLVPHC&TDTH-PL ngày 12/5/2016 của Bộ Tư pháp, ông Nguyễn Duy Thắng - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế (Bộ Xây dựng) cho biết: Năm 2015 - 2016, trong bối cảnh nhiều bộ luật mới về đầu tư xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đã được Quốc hội thông qua và đi vào thực tế cuộc sống, công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định pháp luật mới về xây dựng được đặc biệt chú trọng từ cấp Trung ương tới địa phương trong phạm vi cả nước. Được sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ Xây dựng, các đơn vị trực thuộc Bộ đã nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ mà Chính phủ giao, đặc biệt là công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu tình hình mới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thi hành pháp luật trong mọi lĩnh vực mà Bộ quản lý.

Báo cáo nhấn mạnh: Trọng tâm của việc theo dõi tình hình thực thi pháp luật năm 2016 tập trung vào ba nhóm nội dung: Thực hiện pháp luật trong thẩm định dự án, pháp luật trong cấp phép xây dựng và pháp luật về phát triển đô thị được triển khai tại Sở Xây dựng các tỉnh, thành trực thuộc TW và UBND cấp huyện. Theo đó, mặc dù chưa triển khai các đoàn kiểm tra theo Kế hoạch, song từ đầu năm 2015 tới nay, Lãnh đạo Bộ Xây dựng đã trực tiếp làm



*Thứ trưởng Đỗ Đức Duy chủ trì buổi làm việc với Đoàn kiểm tra liên ngành*

việc với nhiều địa phương, đối thoại với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để nắm bắt, cập nhật tình hình triển khai, áp dụng các quy định mới được ban hành trong lĩnh vực xây dựng. Lãnh đạo Bộ cũng đề ra nhiều giải pháp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc nhằm chủ động tiếp nhận những phản hồi của địa phương và cộng đồng doanh nghiệp về các bộ luật mới ban hành; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, từng bước tháo gỡ khó khăn cho địa phương và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Về công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1452/QĐ-BXD về ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; trong đó lồng ghép nội dung hướng dẫn về nghiệp vụ, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (thông qua các hình thức như phối hợp tổ chức phổ biến pháp luật với các Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp; tập huấn, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên ngành về xây dựng, đô thị cho cán bộ, công chức chính quyền địa phương các cấp và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu...).



Việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) hướng dẫn các Luật liên quan đến lĩnh vực xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đang được triển khai trên toàn quốc, với sự vào cuộc tích cực của các Sở ngành địa phương, các đơn vị cơ quan trực thuộc Bộ.

Về tình hình tổ chức triển khai thực thi văn bản QPPL và việc ban hành văn bản quy định chi tiết văn bản QPPL, Bộ Xây dựng luôn đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết, cũng như tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của các văn bản này.

Tính đến tháng 5/2016, Bộ đã ban hành 10 Thông tư. Bộ đã có tờ trình số 24/TTr-BXD ngày 17/3/2016 trình Chính phủ dự thảo nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở; quản lý sử dụng nhà và công sở. Dự kiến đây là Nghị định thay thế Nghị định số 121/2013/NĐ-CP, được xây dựng trên quan điểm kế thừa những quy định tích cực của Nghị định 121 và Nghị định 180/2007/NĐ-CP, đồng thời bổ sung những quy định mới phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính và hệ thống pháp luật chuyên ngành xây dựng hiện hành, bãi bỏ một số quy định không còn phù hợp hoặc không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, khắc phục những bất cập của Nghị định 121 và Nghị định 180, nâng cao hiệu quả và tính khả thi của các Nghị định này. Bộ Xây dựng cũng đã trình Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo 02 Nghị định - Nghị định quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo bồi dưỡng kiến thức môi giới bất động sản (BDS), điều hành giao dịch BDS, quản lý vận hành nhà chung cư & điều kiện thành lập sàn giao dịch BDS; Nghị định quy định về điều kiện năng lực của giám định viên tư pháp xây dựng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, báo cáo cũng chỉ ra một số khó khăn, tồn tại liên quan tới

công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực xây dựng (việc ban hành một số văn bản còn chậm; việc tuân thủ luật pháp của một số tổ chức, cá nhân qua thanh tra, kiểm tra còn chưa nghiêm...), nêu rõ nguyên nhân chủ quan và khách quan, và đề ra phương hướng, giải pháp cơ bản - trong đó có kiện toàn bộ máy tổ chức pháp chế, đảm bảo nguồn lực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở cấp Bộ và cấp địa phương (các Sở Xây dựng). Tại buổi làm việc, lãnh đạo Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch tài chính, Cục Nhà & Thị trường BĐS, Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Thanh tra Bộ Xây dựng đã giải trình và trao đổi thông tin với các thành viên của Đoàn kiểm tra liên ngành (gồm Bộ Tư pháp, Bộ Tài Chính, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ) nhằm làm rõ thêm các nội dung của báo cáo; đồng thời kiến nghị thêm một số giải pháp để Đoàn có cơ sở tổng hợp, hoàn chỉnh báo cáo của mình.

Phát biểu tại buổi làm việc, thay mặt Đoàn kiểm tra, ông Đặng Thanh Sơn hoan nghênh và đánh giá cao công tác chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị nội dung và phương thức tổ chức làm việc với Đoàn của Bộ Xây dựng. Nội dung báo cáo của Bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu của Đoàn kiểm tra. Các vướng mắc xung quanh công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được trao đổi thẳng thắn, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao từ phía Bộ Xây dựng đối với buổi làm việc của Đoàn. Ông cũng ghi nhận những kết quả tích cực mà Bộ Xây dựng đã thực hiện được, trong đó có việc xây dựng tốt trọng tâm công tác theo dõi thi hành pháp luật, và tiếp nhận, xử lý kịp thời những phản hồi liên quan tới thực hiện chính sách, pháp luật từ các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp (dưới nhiều hình thức như văn bản, cổng thông tin điện tử...). Chính qua những kênh thông tin, phản ánh này, công tác triển khai thực thi pháp luật của Bộ Xây dựng sẽ hiệu quả hơn, đạt những kết quả tốt hơn.

**Lệ Minh**

## **Chiến lược phát triển đô thị thông minh kế hoạch 5 năm lần thứ 13 của Trung Quốc**

### **1. Khái quát phát triển đô thị thông minh của Trung Quốc**

Từ bước đột phá với tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc năm 2011 là 50% đến nay, khai thác những khu vực đô thị mới và bảo đảm cải tạo kiến trúc vốn có tăng trưởng với mức độ cao, đô thị hóa bền vững và đô thị bền vững đối diện với áp lực về giao thông và môi trường tài nguyên nghiêm trọng, do vậy mô hình xây dựng đô thị rất cần phải được thay đổi. “ Quy hoạch phát triển đô thị hóa loại hình mới” lấy mô hình đô thị thông minh làm một trong ba mục tiêu lớn về phát triển đô thị ở Trung Quốc, đồng thời mục tiêu đến năm 2020 có thể xây dựng lên một hệ thống đô thị thông minh hoàn toàn mới và đặc sắc. Tháng 9 năm 2015 toàn quốc có khoảng hơn 500 đô thị đã hoặc đang xây dựng theo mô hình đô thị thông minh. Trước mắt, bộ khoa học kỹ thuật và bộ xây dựng đô thị nông thôn và nhà ở... đã xúc tiến công tác thí điểm đối với 227 đô thị thông minh thuộc các quận, huyện, thị trọng điểm trên toàn quốc, trên đây đều là những đô thị thông minh thí điểm làm ví dụ chứng minh cho quá trình thay đổi của đô thị. Dự tính quy mô thị trường đô thị thông minh của Trung Quốc là khoảng 610 tỷ USD, quy mô này được bắt đầu từ sau kế hoạch 5 năm lần thứ 12 và được tập trung thực hiện ở kế hoạch 5 năm lần thứ 13. Hiện nay, ở Bắc Kinh đang xây dựng hệ mô hình dưỡng lão thông minh; Thành Đô thông qua những ứng dụng thông minh như dịch vụ công cộng, giao thông thông minh, quản lý nguồn tài nguyên thông minh, quản lý đô thị thông minh... để xây dựng lên những khu đô thị mới thông minh...

### **2. Bước đầu thăm dò về những vấn đề phát triển đô thị thông minh**

Dựa vào kết quả đánh giá những cơ cấu đô thị thông minh tiềm năng ở các nước Hoa Kỳ,

Châu Âu và Tây Ban Nha... trình độ xây dựng đô thị thông minh của Trung Quốc chưa được bước vào hàng ngũ những quốc gia tiên tiến. Về tổng thể thì Trung Quốc đã triển khai phát triển xây dựng đô thị thông minh, chú trọng đầu tư vào phần cứng, còn thiếu sự tham gia nổi liền với người dân đô thị; mô hình xây dựng đơn nhất, việc thăm dò xem xét đối với mô hình thương mại về sau và chi phí phi kinh tế chưa được đầy đủ; coi những công trình xây dựng có liên quan không nhiều quy vào đô thị thông minh, tăng cường nêu ra những thách thức của xã hội đối với mô hình xây dựng đô thị thông minh; mối liên quan giữa tính cấp bách và tính quan trọng của những vấn đề thực tế với xây dựng công trình không đủ mật thiết, tư duy mang tính đầu tư kinh tế không đủ; đối với môi trường phát triển nhằm tối ưu hóa đô thị, khả năng tăng cường bố trí thực thi và thiết kế mái nhà thông minh của ngành công nghiệp nuôi dưỡng trí tuệ và chức năng của đô thị là không đủ; không đầy đủ về mối liên kết giữa văn minh sinh thái và truyền đạt lịch sử khi lấy con người làm chủ thể như với đô thị sinh thái và đô thị nhân văn...; trình độ thay đổi cục diện đơn độc thông tin giữa các cơ quan không đủ, trình độ cơ chế và kênh vận doanh và xây dựng tham gia vào quỹ xã hội được cải thiện; xây dựng hệ thống đổi mới của ngành công nghiệp đô thị thông minh ở vào giai đoạn ban đầu, chưa hình thành hệ thống kho trí tuệ mang tính dẫn đầu, đồng thời khi quy hoạch và xem xét ở góc độ công cộng và cung cấp năng lực sáng tạo kiến thức về đô thị thông minh vẫn còn kém.

Phương hướng phát triển đô thị thông minh bản nâng cấp đặc sắc của Trung Quốc: (1) Nên cung cấp tư duy trí tuệ cho công tác xây dựng khung không gian đô thị hóa loại hình mới; nên học hỏi kinh nghiệm và những kỹ thuật ưu thế ở

nước ngoài một cách tốt nhất, nâng cao chức năng của đô thị và có thể giải quyết được những căn bệnh của đô thị, xây dựng năng lực phát triển khoa học đô thị của Trung Quốc sẽ được dùng nền tảng kinh nghiệm phong phú; (2) Nên cung cấp một nền tảng vững chắc cho quá trình bồi dưỡng ngành công nghiệp sản xuất thông minh. Lấy đô thị thông minh làm hình thái sản xuất công nghiệp để sáng tạo, dựa vào những tư duy hiện đại nhằm tái cơ cấu tổ chức sản xuất công nghiệp, thay đổi phương thức sản xuất, xây dựng lên một ngành công nghiệp sản xuất đô thị thông minh, thăm dò thiết lập phương thức phạm vi thao tác và cơ chế có hiệu quả của công tác thị trường hóa xây dựng đô thị thông minh. (3) Nên mở rộng và đi sâu vào vấn đề hợp tác song phương để có thể mở ra những lối đi mới.

### **3. Chiến lược phát triển đô thị thông minh kế hoạch 5 năm lần thứ 13**

#### ***(1) Thiết lập cơ chế hiệu quả lâu dài, khuyến khích giao lưu hợp tác***

Đô thị thông minh là tổng hợp đổi mới của thông tin hóa, công nghiệp hóa và đô thị hóa. Đô thị thông minh dưới bối cảnh của ngành công nghiệp luôn không ngừng chi tiết hơn, thể hiện ra những đặc trưng hình thành, kế hoạch tổng thể và toàn diện. Tăng cường truyền bá kiến thức sáng tạo, có lợi trong việc hỗ trợ tăng cường liên kết giữa nhu cầu với nhịp điệu phát triển của đô thị, hình thành lên một chu kỳ tuần hoàn “ mục tiêu - đối sách - phương án - kiểm chứng” có hiệu quả. Chủ thể của ngành công nghiệp đô thị thông minh cần tăng cường thúc đẩy giao lưu giữa các ngành công nghiệp, nâng cao độ liên tiếp, độ sâu và độ nhiệt huyết; xoay quanh công tác thăm dò về đô thị thông minh để hình thành lên một mô hình cơ chế mới.

#### ***(2) Tổng hợp lĩnh vực sản xuất thông minh, hình thành hiệu ứng quy mô***

Kết hợp với những bài học kinh nghiệm trong tiến trình đô thị mới của Trung Quốc, công tác khai thác khu vực cần phải có sự tham gia

của ngành công nghiệp sản xuất, càng cần xoay quanh đường lối thâm canh của dự án khai thác bất động sản truyền thống. Xuất phát từ kinh doanh đô thị, xây dựng đô thị thông minh nên chú trọng đưa vào và sản xuất công nghiệp thông minh, xuất phát từ chiến lược phát triển đô thị, xây dựng đô thị thông minh nên kết hợp giữa hình thái đô thị các bon thấp và môi trường xanh với ngành công nghiệp sản xuất loại hình mới của chiến lược loại hình thông minh.

#### ***(3) Tổ hợp tài chính đa dạng, khuyến khích chính sách đồng bộ***

Từ khi Trung Quốc tiến hành thực hiện mẫu thí điểm đô thị thông minh tới nay, mô hình hợp tác đô thị thông minh dưới kiểu hợp tác kinh doanh công tư ( PPP) đã được triển khai ở nhiều địa phương như: Thượng Hải, Ngân Xuyên, Hoài Nam - An Huy, Hoài Bắc - An Huy.... Từ sáng lập tổng thể toàn bộ các đô thị trên toàn quốc, kết hợp với yêu cầu nhiệm vụ sáng lập, tổng đầu tư có thể từ 150 triệu USD cho đến 1500 triệu USD. Xây dựng đô thị thông minh bao gồm sản phẩm mang tính công cộng và sản phẩm mang tính có lợi, khi đó dưới tiền đề là chính phủ sẽ luôn ưu tiên chọn mua những sản phẩm mang tính công cộng, chính sách thiết kế đồng bộ khuyến khích ngành tài chính và giới đầu tư... tham gia vào đầu tư sản phẩm mang tính có lợi. Đô thị thông minh được hình thành từ quá trình thực tiễn đổi mới và chính sách thiết kế của 3 lĩnh vực là đô thị hóa, công nghiệp hóa và thông tin hóa, để cung cấp những khả năng thiết kế vượt giới hạn và đường lối đầu tư tài chính vào đô thị thông minh. Tham gia vào vận doanh và xây dựng cơ sở nền tảng đô thị thông minh được đến từ thu nhập ổn định lâu dài của nhóm người tiêu dùng, đây là hành vi đầu tư loại hình an toàn và ổn định, thu hút sự tham gia của nguồn vốn tư nhân, không chỉ có lợi cho người đầu tư tư nhân nhận được những lợi ích ổn định bền vững, mà còn có hiệu quả trong việc giảm thấp đầu cơ quá độ vào thị trường tài chính ảo.

***(4) Tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện thí điểm quốc tế***

Xây dựng đô thị thông minh nên phản ánh đến thông minh hóa của công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và dịch vụ của đô thị, đồng thời trong quá trình phục vụ cần đào tạo ra được những ngành sản xuất công nghiệp mới, cung cấp cơ hội việc làm. Trung Quốc và các địa phương đã có nhận thức tốt đối với tính hệ thống của công tác đô thị thông minh và tính cần thiết của sự kết hợp đổi mới cải cách. Trung Quốc kết hợp thúc đẩy chiến lược phát triển đô thị thông minh, nên tăng cường cơ chế công tác khai thác mô hình và tổng kết kinh nghiệm, học hỏi kiến thức..., đặc biệt là cần tăng cường hợp tác quốc tế. Các ban ngành và cơ quan thuộc dịch vụ công cộng như vệ sinh công cộng, bệnh viện, giáo dục, du lịch nghỉ dưỡng và sức khỏe toàn dân..., đồng thời cũng phải thăm dò khai thác các lĩnh vực về bệnh viện thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh và thể dục thông minh...

***(5) Duy trì giữ gìn thị trường chủ thể, khai thác lĩnh vực một cách hợp lý, đẩy mạnh tiêu thụ thông tin***

Ngành công nghiệp đô thị thông minh có liên quan tới thị trường chủ thể, thực lực của thị trường chủ thể tham gia vào thực lực xây dựng đô thị thông minh là tương đối mạnh. Ở lĩnh vực an ninh của Trung Quốc đã có một nền tảng công tác tương đối tốt, ở mặt an toàn thông tin cũng mở rộng năng lực xây dựng, chủ thể hướng tới của xây dựng đô thị thông minh hiện nay chủ yếu là chính quyền đô thị, cư dân đô thị và tiêu dùng của đô thị, do đó lĩnh vực có liên quan của tiêu thụ công với mở rộng có điều kiện và hợp lý ( như kiến trúc dân dụng, giao thông, du lịch, bệnh viện và giáo dục...) làm cho thị trường chủ thể tham gia một cách có hiệu quả, có khả năng thúc đẩy hình thành dịch vụ tiêu thụ loại hình ứng dụng đô thị thông minh. Hiện nay trên thế giới đã có hơn 10 nước dùng cổng thông tin giữ liệu mở của chính phủ. Ở Úc,

Canada, Anh, Hoa Kỳ... đều không có cổng thông tin giữ liệu mở của chính phủ, cơ quan chính phủ của rất nhiều nước đang thông qua lực lượng mạng thông tin để nâng cao lực lượng quần chúng nhân dân cùng quốc gia tham gia xử lý những vấn đề xã hội. Kinh nghiệm cho thấy, mức độ mở càng cao thì khả năng an toàn thông tin càng được bảo đảm, xuất phát từ góc độ thị trường, mở cửa và an ninh có sự tương tác có cơ sở. Đô thị thông minh dựa vào thông tin hóa, có hiệu quả giải quyết những trở ngại của không gian vật lý; công nghiệp hóa hiện đại có hiệu quả thúc đẩy phát triển mạnh những thủ đoạn kỹ thuật; đô thị hóa loại hình mới làm cho cư dân đô thị càng được thể hiện và hưởng thụ được những thành quả văn minh đô thị hiện đại.

***(6) Chú trọng tới những chiến lược dân sinh, khai thác phương án thích hợp, thực hiện ứng dụng thông minh***

Trung Quốc khi đồng thời thực hiện chiến lược phát triển mang tính khu vực, nên tập trung vào những vấn đề dân sinh (giao thông ùn tắc, lũ lụt ngập úng...) là những căn bệnh của đô thị; khi đồng thời thực hiện sự cộng hưởng trí tuệ, giải quyết những thông tin không cân xứng, cũng là điểm then chốt mang tính quan trọng phải đối diện hiện nay, độ khó của việc gắn kết nguồn tài nguyên tương đối lớn. Do đó, nên chú trọng công khai thông tin và gắn kết nguồn tài nguyên, để đưa ra những phương án thích hợp nhất với chi phí thấp nhất khi tham gia vào công tác xây dựng dự án đô thị thông minh. Nhằm vào những dự án mang tính đầu tư của chính phủ để duy trì giữ gìn và khuyến khích các bên trong và ngoài nước cùng tham gia khai thác. Cùng đó khi khai thác khu vực mẫu thí điểm cần hình thành phương án có hiệu quả, không thể đơn giản bằng với với những sản phẩm tiếp thị mà cần hình thành phương án giải quyết tổng hợp một cách có hiệu quả, nhằm vào những nhu cầu chủ thể khai thác phát triển khác nhau, thiết kế phương án tổng hợp của độ sâu và độ rộng khác nhau ( bao gồm thiết kế quy hoạch,

thi công vận doanh, mô hình đầu tư...), đồng thời xem xét một cách có hiệu quả về giá thành kinh tế kỹ thuật.

Đồng thời phát huy ưu thế của hợp tác quốc tế, tiêu điểm xuất phát từ hợp tác giao dịch thương mại và dự án đầu tư, ở khu vực mẫu thí điểm đưa phải có ngành công nghiệp sản xuất đồng bộ tốt mới có thể nhận được những hỗ trợ và quan tâm lâu dài của doanh nghiệp chính quyền quốc tế.

**(7) Tổng hợp những lĩnh vực quan trọng, thực hiện đột phá trọng điểm lớn, cải thiện chức năng của đô thị**

Đô thị trên toàn cầu phải đối diện với những thách thức ngày càng sâu sắc, những vấn đề nổi bật ở đô thị Trung Quốc biểu hiện ở: Nguồn tài nguyên nước ngày càng cạn kiệt, chất lượng không khí ngày càng xuống cấp, giao thông ùn tắc nghiêm trọng, môi trường sinh thái yếu kém, đô thị úng lụt, trọng trách vệ sinh công cộng ngày một nặng nề..., tiến trình đô thị hóa nhanh chóng và chính sách đô thị không chính xác, làm cho những vấn đề trên bị chồng chéo vào nhau, ảnh hưởng sâu sắc tới tính bền vững của đô thị. Đô thị thông minh nên dựa vào nguyên tắc “một đô thị một chính sách”, trọng điểm tập trung vào những lĩnh vực then chốt, mà không phải ngay từ ban đầu đã cầu toàn và cầu lớn, nỗ lực nghiên cứu phán đoán mức độ xoay sở tài chính, khả năng hỗ trợ kỹ thuật và khả năng của chính sách hỗ trợ...; Như đối với giao thông, vận dụng kỹ thuật thông minh, nỗ lực trong phạm vi khu vực mẫu xử lý tận gốc tình trạng ùn tắc giao thông, hình thành bước đột phá lớn.

**(8) Dịch vụ xử lý toàn cầu, xây dựng mạng lưới thông minh, tăng cường khả năng phát triển bền vững của đô thị**

Trung Quốc đóng vai trò là lực lượng quan trọng của quá trình xử lý toàn cầu, trong đó những đô thị vừa và lớn đóng vai trò trung tâm. Đến cuối năm 2014, Trung Quốc có 16 thành phố đặc biệt lớn, bình quân quy mô kinh tế và

tổng lượng dân số trong khu vực phát triển này trở thành lực lượng mang tính quyết định, đặc biệt là 6 thành phố lớn có số dân cao hơn cả, theo kế hoạch 5 năm lần thứ 13 thì 6 thành phố đó bắt đầu từ khu vực cho tới thế giới, xây dựng nền tảng đô thị toàn cầu đã bước đầu được hình thành. Dựa vào kết cấu của ngành công nghiệp thông minh, để thúc đẩy những thành phố lớn của Trung Quốc trở thành đô thị toàn cầu, đồng thời thăm dò tham gia xử lý đô thị toàn cầu, nâng cao trình độ thiết lập và thực hiện, nghiên cứu chính sách toàn cầu và mức độ giao lưu đối ngoại giữa các đô thị ở Trung Quốc, hình thành lên khu vực gắn kết của nhóm những thành phố lớn thông minh, ví dụ: Tỉnh Quảng Đông dẫn đầu toàn quốc đưa ra phương án hành động và mục tiêu xây dựng nhóm đô thị thông minh. Tăng cường khả năng phát triển thông minh hóa đô thị ở Trung Quốc và đồng thời nâng cấp mức độ khai thác quốc tế hóa, nên nhận thức một cách sâu sắc về những vấn đề mang tính yếu còn tồn tại ở chất lượng vận doanh và xây dựng đô thị ở Trung Quốc, như khả năng biến đổi khí hậu thích ứng và ứng ngập trong đô thị. Do đó, tăng cường khả năng phát triển bền vững của đô thị, nâng cao khả năng chống chịu của đô thị khi phải đối phó với những rủi ro, xây dựng đô thị tươi đẹp từ nhu cầu phát triển đô thị một cách phù hợp, để cung cấp bảo đảm cơ bản nhất tăng cường khả năng phát triển bền vững của đô thị, mà kinh tế đô thị, lũ lụt ngập úng, hiệu ứng núi lửa... sẽ trở thành trọng điểm của quá trình xây dựng khả năng phát triển bền vững của đô thị, mà kinh tế đô thị, lũ lụt ngập úng, hiệu ứng núi lửa... sẽ trở thành trọng điểm của quá trình xây dựng khả năng phát triển bền vững của đô thị thông minh.

**Từ Chấn Cường**

*Theo tạp chí xây dựng đô thị và nông thôn*

*Trung Quốc kỳ 11/2015*

**ND: Khánh Ly**

## **Nghiên cứu cải cách mô hình tài chính trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới tại Trung Quốc**

Đô thị hóa kiểu mới là con đường tất yếu để hiện đại hóa Trung Quốc, cũng là động lực quan trọng phát triển kinh tế Trung Quốc trong những năm gần đây, do đó, yêu cầu đối với đầu tư tài chính trong xây dựng cũng cao hơn. Xây dựng đô thị hóa cần tìm tòi các kênh đầu tư tài chính đa dạng để cải cách và đổi mới các con đường đầu tư tài chính giữa chính phủ và tư bản tư nhân, đồng thời kiểm soát được các rủi ro đầu tư tài chính trong xây dựng đô thị hóa, thúc đẩy tích cực các cơ chế đầu tư tài chính trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới theo hướng công khai hóa, thị trường hóa, từ đó xây dựng hoàn thiện mô hình đầu tư tài chính đô thị hóa kiểu mới.

### **I. Nguồn vốn đầu tư trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới**

#### **1. Hình thức “Tài chính đất đai”**

Cùng với sự phát triển và sự thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình đô thị hóa tại Trung Quốc, hình thức “tài chính đất đai” từng bước được ứng dụng và mở rộng. Hình thức này chủ yếu lợi dụng việc chuyển nhượng và bán hạ giá đất đai để thu được tiền, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững, lành mạnh của đô thị. Số liệu tổng hợp từ Bộ Tài nguyên đất đai, Cục Thống kê quốc gia và Bộ Tài chính Trung Quốc cho thấy, khoảng chục năm trở lại đây, tỷ lệ thu nhập từ tiền chuyển nhượng đất đai tại Trung Quốc thường vượt trên 40% trong thu nhập tài chính địa phương, cao nhất là năm 2010, tỷ trọng đạt tới 69,4%. Tiền chuyển nhượng đất đai vừa tạo nên nguồn thu nhập cho tài chính địa phương, cũng là nguồn tiền quan trọng trong quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới.

#### **2. Nền tảng tài chính của chính quyền địa phương**

Nền tảng tài chính mà chính quyền địa phương xây dựng cũng là một hình thức tài chính quan trọng trong quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới. Cấp tỉnh, cấp thành phố (địa

phương), cấp huyện (thành phố), thậm chí thị trấn và các thôn cũng xây dựng kênh đầu tư tài chính để đưa các tài sản như đất đai, quyền cổ phần, quyền thu phí... làm cơ sở và hỗ trợ đối với nền tảng tài chính, đồng phát hành các công cụ tài chính khác như trái phiếu doanh nghiệp, kỳ phiếu trung hạn (medium-term notes)..., mở rộng các kênh tài chính đồng bộ cho các hạng mục đầu tư của các cấp chính quyền, giải quyết tốt hơn các vấn đề khó khăn về tài chính có thể gặp phải trong quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới. Đặc biệt từ năm 2008, để ứng phó với các nguy cơ về tài chính, kênh đầu tư tài chính đã phát huy tác dụng chủ đạo và tích cực. Về bản chất, chính quyền địa phương xây dựng các kênh tài chính là tiến hành dung hợp thích đáng tín dụng của chính quyền địa phương với tài chính thị trường hóa, đưa chủ thể tài chính chuyển từ chính quyền địa phương thành công ty, như vậy sẽ có thể tránh được những hạn chế của các chế độ có liên quan, giúp tích lũy được nhiều tiền hơn cho xây dựng đô thị hóa.

### **II. Những thiếu hụt trong cơ chế tài chính xây dựng đô thị hóa kiểu mới**

#### **1. Mô hình tài chính khá đơn nhất**

Do chịu hạn chế bởi cơ chế quản lý tài chính và những ảnh hưởng từ các phương diện như tiền dự toán không đủ..., tài chính địa phương khó có thể đáp ứng nhu cầu về phương diện tài chính sản sinh trong quá trình phát triển xây dựng đô thị hóa kiểu mới tại địa phương. Nhìn từ quá trình phát triển xây dựng đô thị hóa tại Trung Quốc hiện nay, rất nhiều hạng mục xây dựng chủ yếu thông qua tài chính địa phương và sự dẫn dắt của các công ty tài chính để tiến hành đầu tư tài chính. *Một mặt* do mức đầu tư lớn, hạng mục có tính công ích nhất định, cho nên trong tương lai không có lợi nhuận xác định, thu hút không đủ lượng tư bản xã hội tham

gia. *Mặt khác*, do sự thiếu thành thực trong mô hình vận hành kinh doanh và tính hợp lý trong phân chia lợi nhuận khiến chính quyền địa phương không muốn tư bản xã hội tham gia đầu tư xây dựng các dự án có lợi nhuận. Kiểu mô hình tài chính do chính phủ chỉ đạo này đã làm gia tăng gánh nặng cho chính quyền và tài chính địa phương.

### **2. Các kênh tài chính hạn hẹp**

Ngoài quỹ cải cách tài chính ra, thông qua các công ty tài chính để tiến hành đầu tư tài chính là phương thức tài chính chủ đạo nữa, tuy nhiên, cho tới nay, phương thức tài chính như thế này khiến rủi ro tồn tại khi trả nợ càng thêm rõ rệt, tạo áp lực ngày càng lớn đối với tài chính địa phương. Theo thống kê của cơ quan có liên quan, tính đến cuối năm 2009, số lượng các công ty tài chính cấp tỉnh trong toàn Trung Quốc lên tới 8.221 công ty, có gần 70% các kênh tài chính tập trung tại khu vực cấp huyện, cấp bậc các kênh tài chính của chính phủ càng thấp thì khả năng vận hành càng không quy phạm, rủi ro tiềm tàng sẽ càng lớn. Nếu như đơn thuần dựa vào các khoản nợ địa phương cũng khó có thể giải quyết thực sự được các vấn đề tài chính tồn tại trong quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới tại Trung Quốc.

### **3. Các vấn đề tồn tại trong TCĐĐ**

Trong quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới tại Trung Quốc, tài chính đất đai có ý nghĩa và tác dụng quan trọng, cũng trở thành một biện pháp và hình thức chủ đạo để tiến hành đầu tư tài chính trong quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới. Tuy nhiên, mô hình tài chính đất đai ở mức độ nào đó không có tính bền vững cần thiết: Tài nguyên đất đai hữu hạn cung cấp để xây dựng ngày càng ít, quy mô thu nhập từ tài chính đất đai cũng sẽ tiếp tục giảm xuống; Tài chính đất đai ở mức độ nhất định thúc đẩy giá nhà gia tăng và sự xuất hiện của bong bóng bất động sản, đồng thời cũng ở mức độ nhất định nâng cao chi phí thu hồi đất tại những miếng đất xung quanh, khiến quy mô tài chính

cần thiết để tiến hành đô thị hóa kiểu mới cũng ngày càng lớn; Ý thức về quyền lợi bản thân của quần chúng nhân dân được tăng cường cũng khiến cho độ khó khi thu hồi đất ngày càng gia tăng.

## **III. Hoàn thiện mô hình tài chính trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới**

### **1. Tăng cường phân loại hạng mục**

Trong điều kiện thông thường, các hạng mục xây dựng đô thị hóa có thể phân thành hạng mục phi lợi nhuận và hạng mục mang tính lợi nhuận. Vì vậy, trong quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới cần các nhân viên có liên quan căn cứ theo các hạng mục khác nhau để thực thi các biện pháp và hình thức tài chính khác nhau.

### **2. Quy phạm các kênh tài chính của chính quyền địa phương**

Những năm gần đây, những rủi ro tồn tại trong các kênh tài chính của chính quyền địa phương càng ngày càng rõ rệt, rất cần được tăng cường điều chỉnh và quy hoạch để nâng cao năng lực quản lý các khoản nợ tài chính. Vì vậy, tiến hành hoàn thiện kết cấu quản lý đối với các công ty tài chính giúp nâng cao mức độ rõ ràng của các kênh tài chính. Đối với tình hình sử dụng tài chính và hướng tài chính thực tế... cũng cần công khai định kỳ. Đối với các hạng mục xây dựng sử dụng hình thức hợp tác công tư, cần đưa ra chỉ tiêu liên quan để cảnh báo rủi ro cũng như đưa ra các chế độ ràng buộc đồng bộ, từ đó giảm thiểu rủi ro.

### **3. Tăng cường cải cách thể chế, mở rộng các kênh tài chính**

Cùng với sự đẩy nhanh trong tiến trình đô thị hóa kiểu mới tại Trung Quốc, chính quyền địa phương còn tồn tại hiện tượng mâu thuẫn giữa quyền lợi, trách nhiệm hành chính của chính quyền và quyền lợi trong xử lý tài sản của chính quyền. Cần tiến hành sửa đổi kịp thời và thích đáng đối với các nội dung có liên quan trong “Luật Dự toán”, nâng cao quyền phát hành trái phiếu chính phủ của chính quyền địa phương, đồng thời giúp quyền lợi, trách nhiệm hành

chính và quyền lợi trong xử lý tài sản của chính quyền địa phương tương ứng lẫn nhau, điều chỉnh đối với các cơ chế phân phối, tối ưu hóa cơ chế chuyển đổi chi trả. Tăng cường sự hỗ trợ của tài chính và chính sách, mở rộng thí điểm tổng hợp xây dựng đô thị hóa kiểu mới.

Để mở rộng trọng điểm các kênh tài chính cần vận dụng tốt Quỹ tài chính quốc tế vào việc xây dựng các kênh tài chính đô thị hóa kiểu mới, đồng thời thu hút sự tham gia của tư bản xã hội để hoàn thiện xây dựng hệ thống tài chính trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới.

#### **4. Cải cách cơ chế tài chính, đổi mới hệ thống tài chính**

Cần xây dựng cơ chế tài chính xây dựng đô

thị hóa quy phạm, đa dạng và bền vững. Thông qua cải cách cơ chế tài chính để có thể tiến hành tối ưu hóa và bố trí tốt các nguồn tài chính, giúp tác dụng của ngành tài chính được phát huy trong tiến trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới. Tiến hành kiểm kê đối với tài sản thuộc sở hữu nhà nước, học tập những kinh nghiệm tiên tiến từ nước ngoài, thúc đẩy phát hành trái phiếu đô thị.

**Chu Tinh**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 3/2016*

**ND: Kim Nhạn**

## **Bằng cách nào để thực hiện giảm phát thải năng lượng trong xây dựng xanh**

Cùng với sự phát triển kinh tế, vấn đề thiếu năng lượng đang ngày càng trở nên trầm trọng, do đó, thực hiện giảm phát thải năng lượng là một trong những vấn đề cấp bách nhất mà Trung Quốc cần giải quyết. Trong ngành công nghiệp nói chung, năng lượng tiêu thụ trong ngành xây dựng là chiếm nhiều nhất, vì vậy, việc giảm tiêu thụ năng lượng trong xây dựng trở thành chủ đề nóng đang được quan tâm nhất hiện nay. Giảm phát thải năng lượng trong xây dựng, chủ yếu là liên quan tới vấn đề cacbon, do vậy, việc thực hiện thấp cacbon trong xây dựng đã trở thành mục tiêu chính và ưu tiên hàng đầu trong giảm phát thải năng lượng trong ngành xây dựng. Dựa vào nội dung xây dựng xanh trong bài viết này, thảo luận về những giải pháp thực hiện giảm phát thải trong xây dựng, đồng thời phân tích công tác quản lý giám sát giảm phát thải năng lượng.

### **I. Lời nói đầu**

Đầu tiên cần hiểu rõ về công trình xanh, có nhiều người luôn nghĩ rằng không có sự khác biệt giữa bản chất của xây dựng xanh, công nghệ cao và công trình tiêu thụ năng lượng

thấp, nhưng xây dựng xanh không phải là đại diện cho loại công trình xây dựng tốn kém, mà ngược lại nó còn có rất nhiều ưu điểm như có thể tiết kiệm năng lượng, đất đai, nước, vật liệu, đồng thời, nó còn là công trình giúp bảo vệ môi trường trong nhà và tự nhiên. Nó còn mang đến cho con người một môi trường sống và làm việc thoải mái, khỏe mạnh và an toàn, do sử dụng những vật liệu tái chế, nên so với hoạt động xây dựng thông thường, chi phí thực hiện không khác biệt là mấy. Phong cách xây dựng xanh có rất nhiều loại, nhưng chính phủ Trung Quốc luôn khuyến khích việc đổi mới hình thức, điều này không chỉ có khả năng tiếp thu các ý tưởng tiết kiệm năng lượng truyền thống, mà còn có thể đổi mới về vật liệu và kỹ thuật.

Vì vậy, nguyên tắc của xây dựng xanh là tiết kiệm năng lượng, nâng cao tỷ lệ tái chế nguồn tài nguyên, mang lại sự an toàn cho người dân, nâng cao hiệu quả môi trường, đồng thời, thúc đẩy con người, môi trường và kiến trúc hài hòa với nhau, cùng nhau tiếp cận mô hình xây dựng mới, không ngừng đổi mới công nghệ, lựa chọn những phương pháp quản lý hợp lý để quản lý



và giám sát xây dựng, đạt hiệu quả giảm phát thải năng lượng trong toàn bộ chu kỳ. Ví dụ như trong quá trình quản lý giám sát xây dựng, sử dụng năng lượng hóa thạch, tối đa hóa việc nâng cao hiệu quả sử dụng chúng. Đồng thời, giảm lượng khí thải cacbon điôxit, thúc đẩy ngành công nghiệp nhà ở, tăng cường cải tạo những tòa nhà công cộng để đạt được tiêu chuẩn giảm phát thải năng lượng, tái chế các vật liệu cũ, tăng cường quản lý giám sát đối với việc thực hiện tiêu chuẩn giảm phát thải năng lượng.

## **II. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn năng lượng mới**

Trong quá trình xây dựng sẽ tạo ra rất nhiều khí nhà kính, bởi vì mỗi một quá trình thực hiện đều sẽ tiêu thụ năng lượng, để giảm lượng khí thải cacbon điôxit, cần giảm sử dụng nguồn năng lượng tạo ra cacbon. Ngoài ra, còn có thể lựa chọn những phương pháp như:

- Tối ưu hóa việc điều chỉnh cơ cấu công nghiệp, sử dụng những vật liệu xây dựng thấp cacbon, đồng thời kiên quyết không sử dụng những thiết bị sản xuất lạc hậu, sử dụng các lò trong ngành công nghiệp vật liệu xây dựng để xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải đô thị, thúc đẩy toàn diện việc nâng cấp ngành công nghiệp.

- Mở rộng phát triển nguồn năng lượng tái tạo mới, như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt... Bởi vì, những năng lượng này phần lớn là tận dụng từ ánh nắng mặt trời, nhiệt bên trong của trái đất đã chuyển hóa, chúng không những có đặc điểm ít gây ô nhiễm, mà khả năng dự trữ là tương đối lớn, điều này chắc chắn sẽ giảm sự thiếu hụt nguồn năng lượng hóa thạch.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 12 có nêu rõ việc thúc đẩy và sử dụng mạnh mẽ việc sử dụng nguồn năng lượng mới khí thiên nhiên, địa nhiệt trong xây dựng... Tuy nhiên, hiện nay, xây dựng xanh ở Trung Quốc mới chỉ giai đoạn đầu, chưa có nhiều kinh nghiệm, thiếu hệ thống đánh giá toàn diện, vì vậy, việc thiết lập một hệ

thống đánh giá toàn diện là rất cần thiết, nâng cao tiêu chuẩn đánh giá, quy định thực hiện xây dựng xanh. Chỉ có như vậy, mới có thể thực hiện đạt hiệu quả cao và đặt nền móng vững chắc giúp giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng cho đất nước.

## **III. Tận dụng tái chế nguồn vật liệu xây dựng cũ**

Do hiện nay, tiến trình thực hiện đô thị hóa tại Trung Quốc và phá dỡ xây dựng ngày một tăng, kéo theo rất nhiều vật liệu xây dựng cũ bị thải loại. Để giải quyết vấn đề này, người Trung Quốc nói chung cần thay đổi tư duy truyền thống, không thể thực hiện chôn lấp vật liệu xây dựng cũ một cách đơn giản, mà cần thu hồi và tái chế. Có thể phân loại những vật liệu xây dựng cũ, đối với những vật liệu không thể tái chế, mang đi nghiền nát, dùng làm vật liệu trong thi công đường giao thông, còn đối với những vật liệu tái chế, có thể sử dụng làm gạch và bê tông. Như vậy, không những có thể giảm tải nguồn tài nguyên, mà còn có thể giải quyết rác thải xây dựng, thực hiện mục tiêu giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng. Tất nhiên, trong số rác thải đó cũng có một số vật liệu xây dựng cũ có thể xảy ra phản ứng hóa học, mất đi tính chất vật lý, vì thế mà hạn chế thu hồi tái chế chúng. Bởi vì, tính năng của những vật liệu này cũng không thể đáp ứng tiêu chuẩn sử dụng, nếu tiếp tục sử dụng sẽ gây nguy cơ liên quan tới an toàn trong xây dựng.

Hiện nay, Trung Quốc đang hướng đến vấn đề tái chế những vật liệu xây dựng cũ, tuy nhiên vẫn chưa có hệ thống pháp quy hoàn chỉnh, dẫn đến việc sử dụng tùy tiện các vật liệu xây dựng cũ trên thị trường và phát sinh nhiều vấn đề khác. Vì vậy, chính phủ Trung Quốc cần tăng cường quản lý giám sát trong lĩnh vực này, xây dựng chính sách và biện pháp hướng dẫn thị trường, thực hiện thu hồi vật liệu xây dựng cũ một cách có trình tự và đạt hiệu quả cao.

## **IV. Lời kết**

Từ những phân tích ở trên, việc thúc đẩy xây

dựng xanh đã trở thành chủ đề của thời đại, người dân cần ý thức đầy đủ ý nghĩa quan trọng của xây dựng xanh đối với cuộc sống. Do đó, cần tuân thủ các tiêu chuẩn giảm phát thải năng lượng trong xây dựng, để tạo ra một môi trường sống khỏe mạnh và an toàn. Ngoài ra, cũng cần giảm bớt việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, nâng cao hiệu quả sử dụng của nó, đặc biệt là tái chế hợp lý và trình tự đối với vật liệu

xây dựng cũ, đồng thời tăng cường sự quản lý và giám sát của chính phủ, nhằm tránh rủi ro về an toàn.

**Nguồn: <http://news.dichan.sina.com.cn>  
(Trang web bất động sản Sina Trung Quốc  
ngày 10/5/2016 )  
ND: Bích Ngọc**

# **BỘ XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG**

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016



*Hội nghị do Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì*



*Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo cáo viên Trung ương  
Phạm Văn Linh phát biểu tại Hội nghị*